Năm thứ hai — Số 47
Tuần-lễ từ thứ tư 20 đến
thứ ba 26 Mai 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa bảo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

HÔM NAY ĐỌC GÌ

Tra nghĩa chữ nho (II) — Chim yến ở Ô-y hạng — Từ nghề ấn-loát ngoại-quốc đến nghề ấn-loát việt-nam — Bài trúng giải nhì cuộc thi Đa-hòa — Miền núi Caucase (Thời đàm) — Bàn thêm về bài thơ « Phỗng Đá » — Việt-nam Văn-học sử (XXVI) — Sau tám năm trở lại thăm Laokay (II) — Thoát cung vua Mạc (XX) Những ông nghè triều Lê (XXI) — Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXV) — Bữa « tiệc » dưới gốc me — Những ngày « lịch-sử » trong tháng Mai (II)

GIÁ BÁO
Mỗi số 16 xu
1 năm 6p.80
6 tháng 3.50
3 — 1.80

Trên đường văn-hóa thế-giới

Từ nghề ấn-loát ngoại-quốc đến nghề ấn-loát Việt-nam

HOA-BẰNG

CHÚNG ta nay, hằng ngày, mỗi khi được cầm tờ báo, cuốn tạp-chí hay quyển sách quốc-văn mà đọc, thấy in sạch-sẽ, trình-bày mỹ-thuật, chắc ta không khỏi có những cảm-tưởng này :

Nếu nghề ấn-loát sớm phát-đạt ở nước ta. từ đời Đinh, Lê (968-1005) chẳng hạn, thì kho sách nước nhà từ bấy đến nay lắm gì chẳng được phong-phú ?

Nếu nghề in hoạt-bản ngày nay được những nhà chuyên-môn chịu khó dụng công cải thiện và những tay mỹ-thuật góp sức cộng tác, thì từ đây thẳng bước, mạnh-bạo tiến lên, tiền-đồ văn-hóa Việt-nam biết đâu mà hạn lượng được ?

Trong khi lan-man suy-nghĩ và khẩn-thiết kỳ-vọng ấy, ta không khỏi liên-tưởng đến cái lịch-trình của nghề ấn-loát ở xứ ta từ lối in mộc bản xưa đến nghề in hoạt bản bây giờ.

∴

Nhưng, trước khi thuật qua cái lịch trình nghề ấn loát của ta để mong góp chút tài liệu vào trang sử văn-hóa Việt-nam sau này, tôi xin phác sơ mấy nét về nghề ấn-loát của ngoại-quốc đã :

Nước Pháp, hồi năm 1397, lối chơi bài lá rất được phổ cập trong nước, nên ở Paris bấy giờ đã có sắc-lệnh định rằng : trừ những ngày được nghỉ, còn các ngày thường, cấm thợ thuyền không được đánh bài lá và các món chơi khác. Thứ bài lá mà thợ thuyền dùng đấy tất rẻ tiền lắm. Có lẽ nó là thứ bài lá in bằng mộc bản.

Mồng một, tháng sáu, năm 1401, vua Charles VI cho phép những nhà có quan hệ đến việc chế tác sách vở được kết thành một tổ-hợp. Cái tổ-hợp ấy, trong khoảng độ 400 năm, rất có công đối với việc làm sách, xuất bản và phát hành cùng mua bán sách. Nó đã đem đến bao sự tiện lợi cho phái cổ cụ, nhà làm bản đồ, nhà in, nhà chế bản in, v.v. Về mặt văn hóa nước Pháp, nó thật cống hiến được nhiều lợi ích lắm. Nhưng đến hồi đại cách mạng, nó bị Quốc-dân hội-nghị nghị-quyết giải tán (1791).

Nước Anh từ năm 1380 đến 1384, ông Wyclif và bọn đệ tử ông đem bản Kinh thánh bằng tiếng La-tinh dịch ra tiếng Anh đời cổ, đặt nhan là « Lollard Bible ». Sau khi bộ Kinh-thánh ấy xuất bản, lưu hành khắp nước Anh, đến nay còn 170 bộ.

Qua năm 1403, ở Londres thành lập một tổ hợp của những người viết chữ, chế bản in, đóng sách và bán sách. Cái tổ hợp này còn sống mãi đến bây giờ, giúp ích cho văn hóa nước Anh không phải là ít.

Nước Đức, từ năm 1391 đã có một xưởng máy chế giấy đầu tiên lập ở Nurnberg, nên nghề in ở Đức cũng sớm phát đạt.

Mà Gutenberg (1397-1468) được người ta kể là ông tổ nghề in hoạt bản (typographie) lại chính là người ở Mayence bên Đức.

Khoảng năm 1423, ở Đức cũng như ở Bỉ-lợi-thì và Hà-Lan, lối in mộc bản rất thịnh hành.

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG-PHÁP
HAI TÁC-PHẨM NGHỆ THUẬT MỞ ĐẦU
CHO NHỮNG SÁCH CÓ GIÁ TRỊ KHÁC
của
Nhà xuất-bản "MỚI"
57 — Phúc Kiến — HANOI

KINH CẦU TỰ
Tập văn xuôi đầu tiên của thi sĩ HUY CẬN, bìa mỹ thuật do thi sĩ PHẠM HẦU trình bày
1000 bản thường, giá mỗi bản : 0p85
46 bản Lụa gỗ, còn 8 bản giá mỗi bản : 3p50
30 bản Vergé bambou, còn 6 bản, giá mỗi bản : 4p40
ĐANG IN :
LẦM TIỀN
Phóng sự của TRỌNG LANG tác giả Hà nội Lầm than

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ
Phóng tác của VŨ NGỌC PHAN một áng văn chương của thế-giới *Giá : 1p25*

CON NHÀ NGHÈO
tiểu thuyết của Phiêu Linh

Ở Hà-lan, năm 1383, giáo sư Gerhard Groot (1340-1384) thay đoàn « Brothers of the Common Life » đứng lập một xưởng thợ chế tác sách vở. Xưởng này kế tục làm việc cho mãi đến khi thuật ấn loát được phát minh. Đối với trang sử văn hóa ở Hà-lan, nó có ảnh hưởng lớn lao lắm.

Ta nên nhớ rằng ở Âu-châu, trong khoảng từ 1400 đến 1450, nghề in mộc bản hưng thịnh lạ thường. Sau đó không bao lâu, nghề in đồng bản dấy lên, đẩy nghề in mộc bản vào bước suy sút!

Trước ông Gutenberg, người ta tuy đã biết nghề ấn loát, nhưng nhờ bàn tay cải thiện của ông, việc in, vật liệu nghề in và thủ tục làm nghề hoạt bản mới được trở nên tận thiện tận mỹ, và tiến triển một cách đang kể, nên người ta vẫn kể ông là một nhà phát minh ra nghề in hoạt-bản ấy. Từ khi nghề in hoạt-bản này, được phát đạt, Âu-châu ngày càng tấn tới, nhảy múa trên vũ-đài văn-minh.

Còn Á-châu?

Theo bộ Từ-nguyên *của Tàu, thì nghề khắc ván, in sách bắt đầu có từ khoảng Tùy (581 - 617) Đường (618-906).*

Lại cứ như lời tựa trong tập Quán hưu thiền nguyệt, *thì cuối đời Đường, đã có nhà thơ đem khắc ván, in ra và phát hành tập thơ của mình đã làm.*

Tống-sử *chép: « Điền Mẫn đi sứ Hồ-nam, đường qua Kinh chữ, đem kinh sách chữ in đưa cho Cao Tông - Hối ». Xem thế thì biết ở Tàu, đời Tống đã có nhiều kinh sách in rồi.*

Ở Nhật-bản, từ đời Trường-khánh Thiên - hoàng năm Văn-trung thứ nhất đến đời Hậu-tiêu-Tùng Thiên-hoàng, khoảng năm Ứng-vĩnh, (vào khoảng 1372-1395), Ngũ-sơn là những chùa triền ở Kinh đô và ở Liêm-thương đã làm được những việc khắc, in và xuất bản sách rồi.

Năm Ứng-vĩnh thứ 21 đời Xưng Quang Thiên - Hoàng, tức năm 1414 Tây-lịch, Nhật - bản in ra được hai quyển (trên và dưới) sách có tranh vẽ, nhan là Dung thông niệm Phật duyên khởi hội. *Sau khi in mực xong, lại dùng bút vẽ màu sắc xen thêm vào. Nó là một tác phẩm tối cổ trong những bản sách có tranh vẽ và có ghi rõ niên đại hiện còn ở Nhật bây giờ.*

Theo Cao-ly sử, Bách quan chí, *thì ở Cao-ly, năm 1392, vua Cung-nhượng-vương có lập thư tịch viện, đặt chức Lệnh thừa sứ giữ việc đúc chữ, in sách. Nhưng công cuộc ấn-loát chưa tiến-hành được mấy thì tạm phải dừng lại vì bấy giờ triều Cao-ly bị diệt vong (Cung nhượng-vương năm thứ tư). Triều Lý (Triều-tiên) lên thay (Thái-tổ Lý-thành-Quế nguyên niên, 1392). Qua năm 1403, vua Thái-tông là vua đời thứ ba triều Lý lại tiến hành việc ấy. Công cuộc này mở một kỷ nguyên mới trên trang sử ấn loát ở Triều tiên. Sau đó chừng 50 năm, ở nước Triều-tiên đã 11 lần ra sắc lệnh có quan hệ đến việc đúc hoạt-tự (lettres mobiles) và in sách vở. Các sách của Triều-tiên in ra hồi đó hầu hết đều in bằng hoạt tự đúc bằng đồng cả.*

Có điều này rất đáng chú ý: Trong nghề ấn loát, kể từ khi mới làm nghề mộc bản, Á đi trước Âu, Tàu biết trước Nhật. Chứng cớ: đời Đường (618-906) đã có tập thơ in bằng lối khắc ván, mà bên Âu-châu, bức tranh vẽ, in lối mộc bản, về tích Saint Christopher *cõng chúa* Jésus *thơ ấu lội qua sông mãi đến năm 1423 mới ra đời một cách tinh xảo. Lại chính người thợ khắc, Tàu tên là Du-Lương-Phủ, khi sang Nhật, ở tại Sai-nga thuộc Kinh-đô, đã giúp công việc xuất bản cho chùa Thiên Long bấy giờ (khoảng 1372 1395). Thế mà, thời gian qua, trong công cuộc ấn loát, sau Á lại phải thâu thái của Âu, mà Nhật lại tiến hơn gấp mấy Tàu. Đả biết cuộc đời, không tiến thì lùi, chứ không thể đứng im được. Vả, một sự vật tuy được nước này phát kiến, nhưng nếu nước ấy không biết tiếp tục tiến thủ và mở mang rộng ra thì sau sẽ lại bị nước khác bỏ rơi một cách không ngờ, mặc dầu họ đã học lỏm của mình đấy thật.*

Kỳ sau tôi sẽ nói đến lịch trình nghề ấn loát ở xứ ta.

HOÀ-BẰNG

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

Gửi bằng tem (có) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIỀU-SƠN đề tựa,

« . . . Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung ».

NHÀ NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

CHIM YẾN Ở Ô-Y HẠNG

của BÁCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Châu-tước kiều biên dã-thảo hoa,
Ô-y hạng khẩu tịch-dương tà,
Cựu thời Vương, Tạ đình tiền yến
Phi nhập tầm-thường bách-tính gia.

Ô-y hạng, tức là *ngõ áo đen*.

Ngày xưa họ Vương, họ Tạ là hai họ vọng-tộc thế-gia, muốn phân-biệt với hạng tầm-thường, nên mặc toàn áo đen. Vì thế nên con đường vào xóm của họ Vương, họ Tạ mới gọi là «Ô-y hạng».

Chim khôn đỗ nóc nhà quan.

Loài chim yến phải chăng là loài chim khôn hơn hết, cho nên nóc nhà Vương, Tạ mới phải là chỗ dung thân của họ - bàng nhà chim ấy.

Cái chuyện chim yến ngày xưa là thế. Về sau đời Đường, thi-sĩ Lưu Vũ-Tích qua chơi Ô-y hạng thì :

Bên cầu Châu-tước, cỏ nội hoa hèn khắp nơi hoang dại, vẽ ra một cảnh đìu-hiu dưới ánh nắng nhạt buổi chiều tà.

Những con chim yến mà tổ-tiên ngày trước chỉ biết vãng lai nhà họ Vương, nhà họ Tạ thì bây giờ đây, lâu đài Vương Tạ còn đâu, giống chim yến kiêu-kỳ kia cứ sải cánh bay tràn vào những nhà dân-dã tầm-thường cũng không ngậm-ngùi mà cũng không cần chọn-lựa nơi cao-cả quan sang gì hết.

Những con chim yến đó đã có người nhắc tới bằng những câu :

Ô-y làng nọ vừa ban tối,
Vương Tạ lầu kia hãy hé rèm,
...Lắm-lét những lo không nóc đỗ..
...Lầu mây mường-tượng bình xưa đỗ
Gác nguyệt bơ-lơ chốn cũ tìm.

(Những câu thơ đó rút ra ở trong hai bài thơ xướng họa về chim bạch-yến, trích ở một quyển truyện xưa, đâu về thời Lê-mạt, nhan là *Song-tinh*, chép bằng thơ lục bát).

Hiện đại, một Việt-nam thi-nhân trong «Thi-nhân Việt-nam» ông Quách-Tấn có câu thơ :

Từ Ô-y hạng rũ-rê sang.

Đọc câu thơ đó ai cũng thấy rõ cảnh những con chim yến ở nhà Vương Tạ cũ bất chấp thời-gian và không-gian rủ-rê nhau bay sang đến vùng ông Quách-Tấn. Bay đến đấy đỗ ở đâu, để làm gì thì không biết, nhưng mà thi-sĩ nghe thấy :

Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn-rang.

«Bóng lẫn đêm thâu» thì không thể nào có được, vì bạch-yến và hoàng yến thì khó mà lẫn với đêm thâu, còn yến thường thì lưng đen mà bụng trắng.

Không biết chim yến ở «Ô-y hạng rũ-rê sang» mà ông Quách-Tấn thấy đó nó là loài yến nào mà đen thủi đến lẫn với bóng đêm thâu?

Đến tiếng của chim yến nữa, ông Quách Tấn nghe ra cũng khác thường. Tiếng kêu của chim yến thường thì rất ngắn mà không «rộn ràng» tí nào.

Ni-nam yến-tử ngữ lương gian.

Cái tiếng «ni-nam» của Tàu đó nó như là tiếng ríu ran ríu rít của ta.

Trời bến Phong-kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích-bích nguyệt mơ màng.

Bấy giờ, hai cảnh Phong-kiều và Xích-bích mới hô ứng với cái nhan trên là «Đêm thu nghe quạ kêu».

À ra nó là con quạ! Thì ra loài chim yến từ Ô-y hạng ngày xưa, trải qua một khoảng vũ-trụ dằng dặc bao la, chim yến «rũ-rê» sang đến vùng Bình định Nha-trang gặp thi sĩ họ Quách, kinh hãi quá chừng, lũ chim ấy bèn kêu lên những «tiếng rộn-ràng». Tiếng kêu «đồng-vọng lưng mây» khiến cho thi sĩ «tình hoang mang, tứ hoang mang» như trong thấy thấp thoáng sương bên Phong kiều, mơ mang trăng sông Xích-bích.

Rồi, nhờ tay phù phép của thi sĩ «úm ma la», bao nhiêu chim yến thành ra con quạ «đen lông, đen cánh, bộ giò cũng đen», nên mới lẫn với đêm thâu một cách dễ dàng như thế!

Hỡi thi-nhân! nên cẩn thận hơn một chút khi nguồn cảm-hứng quá dồi dào và tưởng ông Hoài Thanh nên nghiêm khắc với nhà thơ Nha-trang hơn tí nữa.

BÁCH-THẢO-SƯƠNG *tiên-nữ*

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 2

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TÔ

Ở trang 20 quyển *Tầm nguyên từ điển*, ông Lê văn Hoè cắt nghĩa « *bách hộ* là một trăm nhà. » Nên theo quyển *Từ nguyên* thêm một nghĩa nữa, là chức quan trong một vệ coi 100 người quân, nhà Nguyên (1277-1367) đặt ra, nhà Minh (1368-1643) bắt-chước ; quan và quân phần nhiều cha truyền con nối (*thế tập*). Còn *lý-chính* là một hương chức đời xưa. Sách *Công dương truyện chú* chép : « Một làng (chữ nho nhà lý) có 80 nhà ; người trông nom các việc gọi là lý-chính, so với thứ dân là quan ». *Từ nguyên* chép đời Bắc-Tề (550-577) đời Tùy (589-617) đều đặt chức lý-chính. Đời Đường (618-905) trăm nhà (bách hộ) là một làng : làng đặt một người lý chính. Đời Tống (960-1276), đời Kim (1115-1234), đời Nguyên (1277-1367) đều theo chức ấy. Đời Minh (1368-1643) mới chuyên dùng tiếng lý trưởng (Minh thủy chuyên dụng lý-trưởng chi danh) ; ông Lê văn Hoè lại chép « mãi đến đời Minh, chức lý-chánh mới đổi làm lý-trưởng ». Theo quyển *Từ nguyên* thì bên Tàu *lý trưởng* cũng là hương-chức đời xưa, đời Hậu-Ngụy bắt chước phép đời Chu, lấy 25 nhà (gia) làm một làng (*lý*) đặt lý trưởng. Đời Minh Thái-Tổ (1368-1376) định 110 nhà làm một làng (*lý*), làng chia ra mười giáp (thế là mỗi giáp 11 nhà), trong 110 nhà ấy chọn nhà nào nhiều đinh lấy 10 nhà làm giáp-trưởng, tất cả 10 giáp-trưởng, bằng năm theo công việc của một người lý-trưởng.

Ở bên Tàu thì thế, còn bên ta bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (quyển *Quan chức chí*) chép như sau này : « Đầu đời nhà Trần (theo bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển 6, tờ 21 b.-22 a, thì bắt đầu từ năm 1242) vua Thái-Tôn (1225 - 1258) đặt đại tiểu tí-xã : từ ngũ phẩm giở ên làm đai-ti-xã, lục phẩm giở xuống làm tiểu - ti xã, cùng chức xã chính, chức xã-giám, gọi là xã quan, sửa lại và làm sổ hộ tịch : chức nhiêm xem ra quan trọng, đời đời noi theo không đổi. Đến năm Quang thái (1388-1398) đời Trần Thuận Tôn mới bãi bỏ Nhà Lê, khi mới khai quốc, lại đặt xã-quan (theo bộ *Cương mục*, quyển 15, tờ 13 a b, thì từ năm 1428) : xã nhớn ba người, xã vừa-vừa hai người, xã nhỏ một người. Đến năm Quang - thuận (1460-1469), đời Lê Thánh-tôn, đổi chức xã-quan làm xã-trưởng. Từ hồi trung-hưng về sau, trong năm Vĩnh-thọ (1658-1661), các châu huyện chọn đặt chức xã-trưởng, xã-sử, xã-tư, lấy những người nho-sinh và sinh-đồ cho làm ; chức trách là chỉnh-lý việc làng, khám hỏi việc kiện-tụng. Các quan thừa-hiến các châu, huyện, xét người nào liêm, người nào tham, siêng-năng hay lười-biếng, cho thăng lên hoặc truất xuống. Đến đời Cảnh-trị (1663-1671), chọn những tử-đệ nhà lương-gia cho làm xã-trưởng, huấn-hóa xã-dân, ba năm một kỳ xét công, thăng làm huyện-quan. Trong năm Bảo-thái (1720-1729), định phép xét công ; phàm xã lớn, xã vừa, xã nhỏ, đều định danh số ; quan trấn-mục giao cho coi giữ làng xóm, thu nộp các thuế. Nếu hai lần xét công, đều xứng-đáng chức việc, thì được thăng phẩm-tước ; lệ định ba năm một lần xét, về sau lâu-lâu bỏ phép ấy, chẳng ai làm. Từ đời Long-đức (1732-1735), Vĩnh-hựu (1735-1740) về sau, việc đặt xã-quan hết thảy tùy ý dân, phép xét công bỏ hẳn, mà quan trên chẳng lấy chức xã-quan làm trọng ».

Ở trang 23 quyển *Tầm nguyên từ-điển*, ông Lê văn Hòe chép « ông Bàn-Cổ là ông tổ sinh ra Trời, Đất và muôn vật trong thế-gian ». Quyển *Từ-nguyên* chép như sau này (tôi dịch theo nguyên-văn để độc-giả biết qua cái học vũ-trụ của người Tàu đời xưa) : « Tương truyền giời đất mới mở, Bàn-cổ ra đầu trị đời. Quyển *Ngự lãm dẫn Từ-chỉnh tạm ngũ lịch nghị* chép « giời đất hỗn-độn như trứng gà, Bàn cổ sinh ở giữa 18 000 năm ; giời đất mở-mang, Bàn-cổ ở trong, một ngày chín lần biến-hóa : khi làm thần trên giời, lúc làm thánh dưới đất. Giời mỗi ngày cao lên một trượng, đất mỗi ngày dầy thêm một trượng, Bàn cổ mỗi ngày dài lên một trượng, cứ như thế 18 000 năm : số giời rất cao, số đất rất sâu, Bàn-cổ rất dài ». Quyển *Thuật-di-ký* chép « Bàn-cổ là tổ muôn vật trong giời đất, thế thì sinh vật mới từ Bàn-cổ » (Bàn-cổ thị thiên địa vạn vật chi tổ dã, nhiên tắc sinh vật thủy ư Bàn-cổ ; xem như thế thì câu của ông Lê văn Hòe dịch hơi sai). Quyển *Lỗ sử* chép « khi mới có giời đất, có họ Hỗn-độn ra làm việt trị đời » ; *Lỗ sử* chua một câu rằng, « tức là họ Bàn-cổ, thần-linh một ngày chín lần biến ».

Ở trang 26, chỗ chữ *bảo-bối*, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « *bảo* là báu, là quí-trọng, đắt tiền và hiếm có » Hai chữ « đắt tiền » và « hiếm có » có lẽ thừa. Quyển *Từ-nguyên* cắt nghĩa rằng « Thường gọi vật gì quí báu là bảo-bối » (thông xưng vật chi trân-quí giả, viết bảo bối). Ngoài những nghĩa chép trong từ điển của ông Lê văn Hòe, chữ *bảo* còn có nghĩa là tôn quí người ta, như gọi gia-quyến người ta, dùng chữ *bảo quyến*, cửa hàng người ta dùng chữ *bảo hiệu*. Chữ *quí* cũng nghĩa như thế, như hỏi họ người ta thì nói là *quí-tính*, hỏi quán-tịch người ta thì gọi là *quí-tỉnh*, *quí-huyện*. Sách chép về thế kỷ thứ mười bảy người Hòa-lan gọi nước ta là *Quí-Nam* (xem tập *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, năm 1914, trang 337-340, 347-351, và quyển sách của ông W J M. Buch soạn bằng tiếng Hòa - lan, đề là *De Oost - indische Compagnie en Quinam*).

Ở trang 27, chỗ chữ *bảo có*, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « *bảo* là trông coi, gìn-giữ » : thế thì hơi nhầm. *Từ-nguyên* cắt nghĩa *bảo* là nuôi (*dưỡng*) và *bảo-cố* là theo tình-trạng nhẹ nặng nuôi người bị đánh có hạn ngày : trong hạn nếu để chết thì mình bị tội nặng (hạn nội trí tử tắc tọa trọng cố dã) : bởi đó mới có chữ « nuôi báo cố ».

Cũng ở trang 27, chỗ chữ *bát-cổ*, nên chữa lại như sau này : « Phép thi đời Tống (960-1276) lấy văn ngũ-kinh

làm đầu bài, bắt giải rõ nghĩa, cho nên gọi là *kinh-nghĩa*. Nhà Minh (1368-1643), nhà Thanh (1644-1912) bắt-chước, nhưng thể-tài hơi khác. Người ta quen gọi là bát-cổ, lại có khi gọi là chế-nghệ, có khi gọi là thời-văn. Đến cuối nhà Thanh bỏ khoa-cử thì mất hẳn lối văn ấy » (chép theo *Từ-nguyên*). Như thế thì « bát-cổ là lối văn kinh-nghĩa, tục quen gọi là bát-cổ (chứ không phải « là một tên tục của văn kinh-nghĩa » như lời ông Lê văn Hòe viết trong *Tầm nguyên từ-điển*, trang 28). Lối kinh-nghĩa mà hóa ra lối bát-cổ thì bắt đầu từ đời Thành-hóa (1465-1487). *Từ-nguyên* chép « cổ nghĩa là đối nhau. Từ năm Thiên-thuận (1457-1464) về trước, lối văn kinh-nghĩa cốt là phô-diễn truyền, chú, hoặc đối, hoặc tán, không có định cách. Từ khoa thi hội năm Thành-hóa thứ 23 (1487), mới chính-đính lại lối văn kinh-nghĩa : phép bát-cổ bắt đầu từ đấy ». Ông Lê văn Hòe nói rằng : « Sau khoa thi hương năm ất-mão (1915) tại Bắc-kỳ, khoa thi hương bị bãi bỏ ». Nên thêm rằng : Sau khoa thi hội năm kỷ-mùi (tức là năm Khải-định thứ tư, 1919) tại Huế, khoa thi hội cũng bỏ nốt.

Ở trang 29, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « *bát âm* là tám thứ tiếng do tám đồ âm nhạc thời cổ nước Tàu và nước ta phát ra » (?). Các sách nói về âm-nhạc, như quyển *Essai historique sur la musique classique des Chinois* của ông Maurice Courant đăng trong bộ *Encyclopédie de le musique*, đều chép bát âm tự người Tàu đặt ra trước : thế thì nên xóa chữ « phát ra » ở cuối câu giải nghĩa của ông Lê văn Hòe. Còn chữ *ngũ âm*, nên bắt chước các sách chua *cung, thương, dốc, chủy, vũ* là *fa, sol, la, do, rê*, chứ cắt nghĩa chữ *cung* là « tiếng to ồ-ồ » rồi đánh dấu hỏi, thì không ích gì cho độc-giả. *Từ nguyên* cắt nghĩa chữ *cung* là « rất thấp, rất đục » (tối hạ, tối trọc). *Khang-hi tự-điển* dẫn sách *Tiền-Hán luật lịch chí* như sau này : « *Cung* là giữa, ở trung-ương, thông suốt bốn phương, xướng đầu ra bốn âm kia ».

Ở trang 30, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa chữ *bạt* « là đường đi bộ », *thi p* « là lội nước hoặc đi đường thủy », *bạt-thiệp* « là đi khắp nơi non nước » : cắt nghĩa như thế thì nhầm, vì *Từ-nguyên* nói *bạt thiệp* là « đi đường khó nhọc » (ngôn hành lộ chi nan dã) : « đi lên cỏ gọi là *bạt* » (thảo hành viết *bạt*), « đi chậu không lội nước » gọi là *th ệp* (đo hành lê thủy) : chữ này chép theo tự-vị Khang-hi.

Cũng ở trang 30, chỗ phụ-chú, ông Lê văn Hòe dẫn « đừng dùng lẫn chữ *băng* với hai chữ *thăng hà* », ông không nói rõ tại sao, nhưng có lẽ nhầm, vì *Từ-nguyên*, ở chữ *thăng-hà*, chua là « vị thiên-tử *băng* dã » (đứng thiên-tử mất) : như thế thì chữ *băng* và chữ *thăng-hà* có thể dùng lẫn với nhau được.

Ở trang 31, dưới chữ *bắn sẻ*, nên thêm rằng : « ngày nay lấy chữ *tước-bình* (bình phong vẽ chim tước) vì vào việc kín rất » (kim dĩ ngôn tranh tế chi sự) (chép theo *Từ-nguyên*). Dưới chữ *bệ-hạ*, nên dẫn « quyển *Độc đoán* chép đứng thiên-tử tất có cân-thần, cầm đồ binh-khí đứng cạnh bê để phòng việc chẳng ngờ bầy-tôi tâu vua không dám trỏ rõ, cho nên dùng chữ *bệ-hạ* » (chép theo *Từ-nguyên*).

Ở trang 33, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa *biệt-thự* « là ngôi nhà làm riêng ở nhà quê cách biệt hẳn với nhà mình ở thường » : nên xóa ba chữ « ở nhà quê », vì *Từ-nguyên* chỉ chua rằng : « ngoài chỗ nhà ở, làm riêng chỗ chơi-bời nghỉ-ngơi, gọi là *biệt-thự* » (ư cư trạch ngoại, biệt vi du tức chi địa, viết *biệt-thự*).

Cũng ở trang 33, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « *binh-duynh* : binh là bình-phong ; duynh là dinh-trại : binh-duynh đây dùng theo nghĩa bóng là khép-nép thận-trọng như người con gái ở sau bức bình-phong (tức là ở trong buồng khe (buồng the ?) lắng nghe) như viên đại-tướng ở trong doanh-trại, tức là ở nơi cấm quân ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa bình-doanh là « sợ-hãi » (hoàng-khủng dã), chứ không phải là « khép-nép thận-trọng », và dẫn một câu sách *Quốc-ngữ* như sau này : « Bình-doanh bàng-hoàng vu son lâm chi trung », nghĩa là sợ-hãi bàng-hoàng ở trong rừng núi.

Ở trang 34, dưới chữ *biểu-lý*, ông Lê văn Hòe viết nhầm chữ *lý* : nguyên một bên chữ *y* (là áo mặc), một bên chữ *lý* là làng hoặc dặm đường) ; có khi viết chữ *lý* ở giữa, còn chữ *y* chia một nửa ở trên, một nửa ở dưới : ông Lê văn Hòe viết mất nửa trên.

Ở trang 35, ông Lê văn Hòe viết rằng : « Hoàng-Thượng cùng Lý-Ứng đều làm quan Tư-đồ nước Ngụy. Cả hai đều lấy con gái quan thái-úy Hoàn-nguyên-Thúc. Người thời ấy bảo hai con gái Nguyên-Thúc đều cưỡi rồng (thừa long). Do đó, sau người ta dùng hai chữ *thừa long* (cưỡi rồng) để nói người con gái lấy được chồng danh giá sang trọng như ý muốn » Nên theo *Từ-nguyên* chữa lại như sau này : « Kinh *Dịch* có câu : « Thời thừa lục long dĩ ngự thiên », nghĩa là « có lúc cưỡi sáu con rồng để trị ngôi giời », ý nói con rồng lúc ẩn lúc hiện, lúc bay lúc nhảy, nhân thời mà động (biến hóa). *Liệt-tiên truyện* chép Tiêu-Sử khi đắc đạo hay thổi sáo. Tần Mục-Công gả con gái Lông-Ngọc cho. Sau Lông-Ngọc cưỡi phượng, Tiêu-Sử cưỡi rồng, cùng đi lên giời. *Sở-quốc tiên-hiền truyện* chép Hoàng-Hiến (sách *Sơ-học ký* chép là Hoàng-Thượng) và Lý-Ứng (chứ không phải Lý-Ứng) đều làm rể quan thái-úy Hoàn-Yên (tự là Hoàn Thúc-Nguyên, chứ không phải Hoàn-nguyên-Thúc). Người bấy giờ khen Hoàn Thúc-Nguyên có hai con gái đều cưỡi rồng, ý nói được rể như rồng. Thơ Đỗ-Phủ có câu : « Môn-lan đa hỉ-khí, nữ-tế cận thừa long », nghĩa là cửa ngõ nhiều hỉ-khí, con rể giống như cưỡi rồng. Ngày nay dùng hai chữ *thừa long* để khen người được rể hiền : gốc ở đấy ».

Ở trang 35, ông Lê văn Hòe cắt nghĩa « *bò phục* là nằm sấp xuống đất đi bằng chân tay ». Đã « nằm sấp » thì đi làm sao được ? *Từ-nguyên* giảng *bò-phục* là « cúi đầu mà đi » (phục hành dã) và dẫn một câu kinh *Thi* rằng : « Phàm dân có tang, vội-vàng đến cứu », nghĩa là chân tay đều đi, nói dáng đi rất vội vàng » (Phàm dân hữu tang, bò phục cứu chi, thủ túc tịnh hành, trạng cấp cự chi thậm). Ông Lê văn Hòe thêm một câu rằng : « *Bò-phục* sau biến thành phủ phục ». Không chắc có thật biến như thế không, nhưng phải chua rằng chữ *phục ở phủ-phục* viết khác hẳn chữ *phục ở bò-phục* : chữ *phục* này có một âm nữa là *bặc* : bò-bặc hoặc bò-phục.

Ở trang 37, dưới chữ Bồng lai (tên núi tiên) nên chua rằng có sách chép là Bồng hồ, cũng như Phương hồ, Doanh hồ. Quyển *Từ-nguyên* dẫn sách *Sử ký* như sau này : « Bồng lai, Phương trượng, Doanh châu là ba núi thần ở trong Bột hải, thường có người đến đó ; các người tiên và thuốc bất tử ở đấy ; giống vật và cầm thú đều trắng, cung quyết làm bằng vàng bạc ».

Còn nữa

Ứng-hộ NGUYỄN VĂN-TỐ

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 25 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XCVIII

Xích-bích giải âm (1)

Năm nhâm-tuất mùa thu tháng bảy,
Sau ngày rằm hây-hẩy ngọn hiu.
Tô-công cùng khách rập-ríu,
Dưới dòng Xích-bích thuyền chèo dạo chơi.
Thong-thả lại thổi hơi gió mát,
Phẳng-lặng đưa mặt nước êm tờ.
Cùng nhau chuốc rượu ngâm thơ :
Câu thơ tiếng hát sóng đưa rập-rình,
Thoắt bóng thỏ chênh-chênh đầu núi,
Dần-dà lên bến lối sao Ngưu.
Ngang sông sương xuống trắng đầu,
Da giời sắc nước một màu như nhau.
Thuyền một lá buông đâu mặc đó,
Nước muôn trùng bến đỗ nào hay.
Thênh-thênh sông rộng sóng đầy,
Xem như cưỡi gió nương bay lưng giời !
Nhường phơi-phới ra người di-thế,
Tưởng trần-hoàn mấy kẻ đăng tiên.
Liền vui gõ chén gõ thuyền :
Hoạt đưa chèo quế tới miền lưu-quang,
Đêm khuya-khoắt mơ-màng lòng khách,
Người cõi lan xa cách bên giời.
Phút đâu có khách lạ đời,
Thổi tiêu họa hát như khơi mối sầu :
Khúc ai-oán mỗi câu ruột dứt,
Tiếng véo-von chẳng trật tơ mành ;
Hác giao lần múa ứ tình,
Thuyền li-phụ khóc một mình ai hay !
Ông Tô-công chau mày ngồi ngất,
Hỏi khách rằng : « Sầu chất vì sao ? »
Khách rằng : « Thơ cổ thanh-tao,
« Hai câu còn nhớ lúc Tào sang Ngô !
« Đông Tây giáp hai đô ngảnh lại,
« Sơn-xuyên cùng một giải liền không ;
« Ấy ai ngăn đón gió đông ?
« Chu-lang làm khốn Tào-công bấy giờ !
« Tưởng từ lúc xuất sư minh tướng,
« Phá Kinh-châu rồi xuống Giang-lăng !
« Tính bao sĩ mã pháo đằng,
« Thuyền chen nghìn dặm, cờ giăng khắp giời !
« Rượu dăm chén coi người như cỏ,
« Thơ vài câu sao trỏ qua sông ;
« Người xưa vốn kẻ anh-hùng,
« Mà nay ai biết anh-hùng ở đâu ?
« Ta vốn những cùng nhau ao ước,
« Ngư với tiều bến nước riêng ta,
« Bạn-bè mì lộc ngư hà,
« Thuyền lan đưa đón chén hoa rước mời ;
« Cảnh phù-du gửi giời mấy chốc,
« Vì coi bằng hạt thóc bể khơi ;
« Thương mình bỗng chốc bồi-hồi,
« Khen sông khi lở khi bồi xưa nay !
« Muốn chắp cánh mà bay phút thẳm,
« Ôm vừng giăng ngồi ngẫm lại buồn !
« Biết rằng đời chẳng nên khôn,
« Bao phen gió thổi kinh hồn đôi khi ! »
Tô rằng : « Chớ kể chi việc trước,
« Khách biết chăng là nước cùng giăng ?
« Thử xem ngọn nước bóng hằng,
« Mấy từng đi lại, mấy từng đầy vơi ?
« Kể lúc biến thì giời cũng biến,
« Chẳng biến thì ta biết ta không ;
« Đã không thì phải đèo bồng,
« Khen chi sông nước mặc lòng phong ba !
« Vả giời đất vật đà có chủ,
« Chẳng của ta thì chớ tơ-hào ;
« Trên sông gió mát bằng nao,
« Đầu non giăng dãi, biết bao của mình ;
« Tai nghe vẳng như hình thư-thả,
« Ngắm trước nhìn, ngỡ ả thanh-tân ;
« Tiêu khảng cầm, dụng không ngần,
« Của chung giời đất riêng phần đôi ta ».
Khách nghe nói lề-hà nức dạ,
Chén mừng đưa mắt lạ khuyên mời ;
Trong thuyền tiệc rượu vừa rồi,
Cùng năm nào biết rằng giời rạng đông.

(Theo quyển *Quốc-văn tạp-biên*, sách viết bằng chữ nôm).

XCIX

Ngũ bảo hoàn khuê (2)

1, Thủy

Huyền-diệu tự-nhiên chỉn khéo vần,
Dương cơ này số hợp sinh thân.
Lưu-khiêm cồn-cồn đua doanh trì,
Ngọc oánh (3) lâu-lâu sạch điểm trần.
Thế lớn dồi-dào nhuần mọi vật,
Ân sâu chan-chứa khắp muôn dân.
Dòm xem tỏ biết lòng Cơ-tử,
Dốc trí trung quân thấy bội phần.

2. Hỏa

Địa nhị gây nên sáng sở danh,
Sáng vời trác ngọ vận gia-hanh.
Thụy-chiêu rờ-rỡ tòa tâm dực,
Hiền trước rành-rành chữ bình đinh.
Khắp cả cửu-hoàn nhờ trưởng dưỡng,
So trong ngũ-tự được quân-hành.
Thịnh thay bỉnh đạt ngày thêm thịnh,
Ngọc-trúc hây-hây vẻ thụy trinh.

3. Mộc

Lịch toán xưa suy rất hiền thông,
Phu hòa là tự, chấn là cung.
Trăm triều cử thố khoe tài lạ,
Mấy phát thi vi xứng việc dùng.
Nghiệm đức chu hành bao thảy-thảy,
Ngợi công thư bố kế trùng-trùng.
Khăng-khăng hằng lấy nhân làm gốc,
Chế-độ ai đâu dám sánh cùng?

4. Kim

Trên ánh đan-tiêu thuộc vĩ-tinh,
Vẹn gìn tinh thuận mặc tùy hình.
Kiên trinh vốn xiết lề tòng-cách (4),
Cương kinh đà tin hiệu thẩm-bình.
Bảo trọng tót loài càng tiện dụng,
Phép dùng cầm mực đích tuyên minh.
Nhiều phen giúp sức, nhiều phen lợi,
Luận giá cân xưng ít thập thành.

5. Thổ

Chềm-chềm quyền đang vị chính-trung,
Đành hay tứ qui có hưng long.
Tĩnh-đôn chẳn-chẵn nào từng chuyển,
Quảng-đại vang-vang uốn chẳng cùng.
Thứ phẩm vui-vầy nơi phồ dục,
Bát quang minh thủy thủ canh nông.
Tu tường năm ấy giềng vương-chính,
Tri trị nhường bằng thái-cổ phong.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách vịnh* của Trịnh Căn, 1682-1709, sách viết bằng chữ nôm của Tường Bác-cổ, số A B 544, tờ 19 a-20 b).

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ biên-tập

---

1) Bài phú *Tiền Xích-bích* của ông Tô-đông-pha đời nhà Tống đã có ông Phan-kế-Bính dịch ra văn xuôi, đăng trong *Đông-dương tạp-chí*, năm 1916, số 63, phần văn-chương, trang 2970-2972. Những bài dịch ra lối ca-điệu, mà ả-đào thường đem ra hát, thì mới có một bài in ra quốc-ngữ trong bộ *Văn-đàn bảo-giám*, quyển thứ hai, in lần thứ hai, trang 65-67, đề là *Dịch bài phú Xích-bích*. Bài dịch mà chúng tôi chép lại trên kia, nhiều người thuộc lòng, nhưng xem như chưa có ai in ra quốc-ngữ. Bản nôm không đề tên dịch-giả.

2) Những bài thơ của Trịnh-Căn in ra quốc-ngữ lần này là lần đầu. Bản nôm của Trường Bác-cổ viết theo lối chữ đời Lê-mạt, đọc rất khó: chúng tôi đã hỏi các nhà nho, nhưng làm thế nào cũng còn một vài chữ ngờ, nay chép tạm ra đây làm tài-liệu cho quốc-văn.

3) Bản nôm của Bác-cổ viết rõ là *chỉ oánh*, nhưng xét ra không có nghĩa gì. Trong quyển *Bội-văn vận phủ* (quyển 84, tờ 79) thấy chữ *ngọc oánh* dẫn như thế này: « Bài kỷ của Điền-nhữ-Thành mừng lễ triều cận có câu: « Liền qua Giáp-giang, Tân-kim hai huyện, lúc bấy giờ mặt giăng sáng tỏ, khắp mặt sông phẳng-lặng như ngọc oánh, thuận giòng mà chảy xuôi, lòng khách phiêu-nhiên ». Như thế thì có lẽ là *ngọc oánh*, chứ không phải *chỉ oánh*.

4) Do chữ Kinh *Thư*, thiên *Hồng-phạm*, quyển 39, tờ 41 a: « Kim viết tòng cách » (hành Kim rằng theo hoặc bỏ), nghĩa là một đường theo, một đường bỏ, nói có khác mà thể không biến đổi, ví như một nén bạc, đem đánh một cái vòng cổ, ấy là *tòng* (theo), nếu đem dùng vào việc pha với loài kim khác, ấy là *cách* (bỏ).

Cuộc thi văn của bạn văn-học

Hội Khai-Trí-Tiến-Đức

về dịp lễ kỷ-niệm cụ Tiên-Điền
(Tri-Tân tiếp được bài này của Hội Khai-Trí nhờ đăng)

Cuộc thi văn về dịp lễ kỷ-niệm cụ Tiên-Điền ngày mồng 10 tháng tám năm nay do ban Văn-học hội Khai-Trí-Tiến-Đức tổ-chức có:

a) 4 bài ca theo thể lục-bát hay song-thất lục-bát tùy ý, mỗi bài ít nhất là 12 câu, nhiều nhất là 30 câu, đầu đề là *Hiếu, Đễ, Trung, Tín*.

b) Một bài ca-trù hát nói có mưỡu, đầu đề là *Giới-sắc*.

c) Một bài thơ hán-tự (Đường luật bát cú) ngũ-ngôn hay thất-ngôn tùy dụng, đầu đề là *Kính đề Kiếm-hồ Lê Thái-Tổ tượng*, vần lê.

Mỗi bài có một giải thưởng bằng đồ-vật.

Các bài thi xin viết một mặt giấy, không đề tên tuổi dấu gì cả. Họ tên địa-chỉ xin viết vào một mảnh giấy riêng ghim vào bài thi bỏ cả vào phong bì niêm kín, ngoài đề « Cuộc thi văn » gửi về phòng thư ký hội Khai-Trí-Tiến-Đức, 71 Phố hàng Trống Hà-nội.

Hạn nộp bài thi kể đến ngày 30 tháng 6 ta tức là 11 Août 1942 là cùng.

Các bài trúng giải sẽ đăng lên các báo và tạp chí của hội. Ai muốn hỏi thêm điều gì xin lại phòng thư-ký hội Khai-Trí-Tiến-Đức.

Ban Văn-Học
Hội Khai-Trí-Tiến-Đức

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 21 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

Ngoài ông Nguyễn-Lỗi và ông Lê-Niệm làm đề-điệu khoa qui mùi, năm quang-thận thứ tư (1463) bia Văn-miếu còn chép tên ba ông chấm trường là Nguyễn như-Đồ, Nguyễn vĩnh-Tích và Nguyễn bá Kỳ

NGUYỄN NHƯ-ĐỒ (*xem* Tri-Tân, *số 28, trang 5*) *tên tự là Mạnh an, hiệu là Khiêm trai, người làng Đại-lan, huyện Thanh-trì ngụ ở làng Tử-dương, huyện Thượng-phúc. Năm mười chín tuổi đỗ hội-nguyên khoa nhâm tuất hiệu Đại-bảo (1442), điện thí đỗ bảng-nhỡn. Ba lần đi sứ Tàu, làm quan đến Lại-bộ-thượng thư thờ sáu đời vua, thọ 102 tuổi (1425-1526). Có sáu bài thơ cận-thể còn chép trong quyển* Toàn Việt thi lục *của ông Lê-qui-Đôn (sách viết của trường Bác cổ, số A 1262, quyển 10, tờ 8 b-9 b) đề là* Thành nam viên cư. *(nhà vườn ở phía nam thành)* Đề-thanh viễn giáp tự *(đề chùa Thanh-viễn)* Thanh-minh hậu tặng Chuyển-vận sứ Trình-công Văn-Huy kiêm vấn tấn Tràng-an Giáo-thụ Nguyễn công Tử-Tấn *(Sau tiết thanh minh tặng quan Chuyển-vận-sứ là Trình văn-Huy và hỏi thăm quan Giáo-thụ Tràng-an là Nguyễn tử Tấn)*, Thư-trai xuân-mộ *(Cảnh cuối xuân trong thư-trai)*, Du Chí-linh sơn tự *(Chơi chùa núi Chí linh)*, Xuân nhật tức sự *(Tức cảnh ngày xuân) chép theo* Đại Nam nhất thống chí, *sách viết của trường Bác-cổ, soạn vào đời Tự đức, số A 69,* Hà-nội, *tờ 60-b, và* Toàn-Việt thi lục, q. *10, tờ 8 b-9 b).*

NGUYỄN-THIÊN TÍCH (*xem* Tri-Tân, *số 31, trang 5*) *sau đổi là Nguyễn-vĩnh-Tích, tên tự là Huyền-khuê, hiệu là Tiên-sơn: người làng Nội-duệ huyện Tiên du. Đỗ khoa tân hợi năm thuận thiên thứ tư (1431). Đầu năm Thiện bình (1434) làm chức Thị ngự sử. Trong năm năm, hai lần đi sứ Tàu. Dần dần thăng đến Hàn lâm viện thị độc học sĩ; coi Ngự tiền học sinh cục. Đầu năm Thái hoà (1443) thăng Nội-mật viện phó sứ, bị vu cách chức. Sau lại được khởi dụng làm chức Tri chế cáo trung thư xá nhân, ra làm chức An-phủ-sứ ở lộ Quốc-oai. Đi sứ nhà Minh giở về, thăng Hàn lâm thừa chỉ học-sĩ, coi Đông-đạo quân-dân-Đầu đời Thánh tôn (1460-1497), thăng Môn hạ-sảnh tả-ti tả-giám-nghị-đại nhu, coi Bắc-đạo, rồi thăng Binh bộ thượng-thư. Vua khen là «người ưu quân ái quốc, gặp việc nói thẳng, vi như họ Vương (Bột) họ Hàn (Dũ) bên Tàu» (ưu quân ái quốc, ngôn sự tận ngôn, Bắc chi Vương Hàn), sai cùng ngũ-phủ quan xét và chọn các vệ, nhân thăng Tổng-trì. Tâu xin bổng bị quở phải tạm về nghỉ, sau lại phục chức, kiêm Quốc-tử giám tế tửu. Con là Nguyễn-Hoạt, đỗ đồng-tiến-sĩ đời Hồng-đức (1470-1497), làm quan đến tư nghiệp Nguyễn vĩnh-Tích có soạn bốn quyển* Tiên-sơn tập, *nay không còn, chỉ còn có một bài thơ cổ-thể là* Tiên sơn thủy lạc *(Nhớ cảnh vui sông núi) và mười chín bài cận-thể trong bộ* Toàn-Việt thi-lục *của ông Lê-qui-Đôn. Mười chín bài cận-thể nói về «cửa Thiên hựu đợi nắng; ngay thánh-tiết có lòng cảm; mừng quan Nhập-nội Thiến phó đi đánh Chiêm-thành về, được thăng Tư khấu binh chương-sự; mừng quan Thủ Trung-thư lịnh Cúc-pha tiên sinh đi đánh Chiêm-thành về, được thăng tri Bắc-đạo quân dân; Ô Man cùng sứ Tàu là Quách-Thanh và Chu-Bật, sứ nước ta là Lê cát, Phủ cùng xem vườn hoa mai; đưa quan thượng thư Đào-công Soan đi sứ nhà Minh; tặng Tế tửu tiên sinh là Lạn-kha về tri-sĩ; đưa Lê-Hựu tới chỗ quân nhung; thủ đọc sách cảnh nhà giành; viết đùa sau khi rượu; đêm trừ-tịch ngẫu thành; cảm hứng mùa thu; cảm mông mênh (mạn cảm); lên lầu Hải môn; tháng mộ xuân làm thơ ở Diễn châu; lên chùa Hồng ân, đêm ngồi một mình; hứng-thú mông-mênh; làm thơ trong thuyền ở trạm Hoài-trạch» (chép theo* Toàn Việt thi lục *quyển 9, tờ 31 b-36 b, và* Đại-Nam nhất thống chí, Bắc-ninh, *tờ 31)*

NGUYỄN BÁ-KỲ (*xem* Tri-tân *số 37, trang 8*), *người làng Vân nội (có sách chép là Huân nội), huyện Chương đức; đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa mậu thìn năm Thái hoà thứ sáu (1448). Làm quan đến thượng thư quận công tước kiêm Quốc tử giám tế tửu, nhập nhị kinh diêm. Là anh Nguyễn bá-Kỳ: huynh đệ đăng khoa (chép theo* Đăng khoa lục, *quyển 1, tờ 6 b). «Năm Thái hoà thứ mười nhà Lê (1452), Cảnh đế nhà Minh lập hoàng thái-tử, sai Hình-bộ lang-trung là Trần-Kim, Hành nhân ti Hành-nhân là Quách-trọng Nam sang bảo tin và tặng tơ-lụa. Vua Lê-Nhân-tôn (1442-1459) sai Thẩm-hình-viện là Phạm-Du, Hàn lâm-viện trực học-sĩ là Nguyễn-bá-Kỳ, Chỉ huy là Lê-Thượng, Thị ngự sử là Lê-Chuyên sang nhà Minh báo-tạ và dâng đồ lễ mừng.»* (Khâm định Việt-sử thông giám cương mục, *chính biên, quyển 18, tờ 27 b-28 a*)

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Văn hành công-khí

Bàn thêm với ông Việt-Thường về bài thơ « Phỗng-Đá »

ÔNG Việt-Thường, trong T. T. số 42, có viết một bài phân-trần về bài *thơ Phỗng Đá*. Trước hết, ông nhắc lại câu chuyện ngâm thơ chúc thọ của ông Tiên-Đàm bằng mấy câu:

« ... nên nhân lúc quan khách « lần lượt làm thơ mừng chủ nhân, « đến lượt Nguyễn-Khuyến, thi sỹ « ngâm ngay bài thơ: ông đứng « làm chi đó hỡi ông.... »

Ông V. T. không nhận kỹ bài của ông T. Đ. hay là ông dụng ý thuật sai đi, thì tôi không được rõ. Chỉ nhận thấy, một đằng thì ông T. Đ. thuật rằng cụ Tam-Nguyên nhân ngày thường ngồi nhàn trong nhà học có tức cảnh ngâm bài *thơ Phỗng Đá*. Còn một đằng thì ông V. T. lại thuật là ông T. Đ. bảo cụ Tam-Nguyên nhân bị người soi-mói mà ngâm *thơ Phỗng Đá* để chúc thọ, Ông V. T. đã hiểu nhầm như thế, rồi ông lại đặt trên cái nhầm đó một ngụy biện để cãi rằng *thơ Phỗng Đá* không phải là bài thơ chúc thọ. Nào có ai lại lỗ-mỗ đến thế mà cho được bài *thơ Phỗng Đá* là một bài chúc thọ đâu? Có chăng chỉ ông V. T.!

Một đằng ông V. T. lại nêu lên rằng: một ông đồ ngồi giậy học không có bao giờ lại « đối » chọi với gia chủ. Thế thì ông lại càng nhầm! Những chuyện các ông đồ ngồi dạy học ở các nhà quyền-quý trong khoảng ba mươi năm trước đây, thường hay tỏ ý rè-bỉu gia-chủ không phải là hiếm gì! Duy có ông V. T. không biết đó thôi. Riêng về cụ Tam-Nguyên thì tưởng không mấy người là không biết rằng cụ vẫn thường học-hặc với gia-chủ của cụ. Cứ xem ngay hai câu thơ dưới này cụ đọc, nếu tôi không nhầm, khi cụ bị gia-chủ bách cụ làm thơ, cũng trên một tiệc rượu:

« Ngất ngưởng trên này có một tao,
Nào tao có muốn nói đâu nào! »

Ông V. T. lại dẫn bài thơ « *Vịnh một bức chân dung* » của cụ Tam-Xuyên, mà cho là ý-tứ bài *Ông Phỗng Đá* và bài vịnh *một bức chân dung* giống nhau, rồi ông kết luận là hai bài cùng của một tác-giả. Tôi xin nói rằng đó chỉ là ý riêng của ông V. T. thôi, và chỉ dẫn ngay câu « cao minh chí sĩ ý kiến lược đồng » của ông thuật ra ở gần cuối bài, cũng đủ tỏ ra rằng ông lại nhầm lần nữa, và ông không ngại-ngùng dùng hai thuyết tương-phản trong một bài.

Xét văn, cần xét giọng (style), chứ không xét ý (idée). Người này có thể giống ý-tứ người khác, mà ít khi có thể giống giọng văn người khác được. Nếu xét giọng thì thấy rằng bài vịnh *một bức chân dung* có một giọng khác hẳn — nếu không nói là kém — giọng bài *thơ Phỗng Đá*.

Còn cái thuyết của ông V. T. về chỗ bài *thơ Phỗng Đá* của ông Dương Quảng-Hàm chép không giống với bài thơ chép trong *Tam-Xuyên thi tập*, thì không có liên-can gì đến chuyện định-đoạt bài thơ đó là của cụ Tam-Nguyên hay là của cụ Tam-Xuyên.

Xin tóm lại:

Ông T.Đ. thuật rằng bài *thơ Phỗng Đá* là của cụ Tam-Nguyên làm trong lúc nhàn rỗi, xúc cảnh sinh tình. Còn bài *hát ông Phỗng Đá* mới là của cụ làm trong bữa tiệc thọ, để giả nhời bọn hậu sinh. Hai trường hợp khác nhau sinh ra hai ý-tứ khác nhau. Ông V. T. không tế nhận chỗ đó, vội vàng viết một bài trường-thiên để bẻ lại bằng một thuyết bâng-quơ.

Và xin kết luận rằng:

Cụ Tam-Nguyên *rất có thể* có bài *thơ Phỗng Đá*, mà cụ Tam-Xuyên thì, trái lại *rất không thể* có bài *thơ Phỗng Đá*. Vì sao? Vì giọng văn đó là giọng văn Yên-Đổ, chứ không phải giọng văn Tôn-Thất Mỹ. Chỉ xem bài *thơ Phỗng Đá* thì thấy rằng nhời thơ đứng đắn! Còn xem bài *vịnh một bức chân dung*, thì thấy rằng giọng thơ lắc cắc.

NGUYỄN-PHƯỜNG

Bàn thêm — Ông V. T. bẻ bài thơ của ông Dương Quảng-Hàm chép không đúng. Song theo ý tôi thì bài

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông?
Trơ trơ như đá, vững như đồng,
Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?
Non nước vơi đầy có biết không?

mới là đúng, vì ý tứ dồi-dào, nhời văn lưu-loát. Còn bài chép trong *Tam-Xuyên thi tập*.

Ông đứng làm gì thế, *hỡi ông?*
Trơ-trơ như đá, vững như đồng,
Giữ gìn *non nước cho ai đó?*
Thay đổi *bao giờ có biết không?*

thì vụng-về và thật-thà quá! Vì những nhẽ sau này:

1· « *Làm gì thế* » non lắm, và không có vẻ « thơ » một tý nào cả. Còn như « làm chi đấy » đanh biết bao nhiêu, mà hạ chữ « đấy » mới đủ nghĩa, nó chỉ rõ cái hoàn-cảnh của ông Phỗng Đá

2· « *Gìn-giữ* » thế nào được? « Coi sóc » mới đúng. Xin cứ tế nhận sẽ thấy. Hai chữ « đêm ngày » làm cho câu thơ thêm ý-tứ và tỏ rõ cái khó nhọc, cái siêng-năng « hão » của ông Phỗng Đá. Cái « hão » đó ta nhận thấy chỗ trong câu tam không có hai chữ « non nước ».

3 « *Thay đổi* » không có nghĩa. Có ai « thay đổi » hòn non bộ bao giờ. Nước trong bể non bộ chỉ có thể « vơi đầy » được thôi, còn non thì bao giờ cũng vẫn là non. Đậy

là cụ Tam-Nguyên chỉ chú ý đến « nước » mà nói phớt qua về «non» thôi.

4 / Ông V. T. bẻ chữ « đấy » và chữ « đó » điệp nghĩa, và chê là « vụng ». Cứ theo luận thuyết của ông, trong một bài tứ tuyệt có hai chữ điệp là vụng, thế thì trong một câu thất ngôn có hai chữ trùng như câu nhất có hai chữ « ông » thì còn vụng đến đâu ?

Vả lại, đã là ông Phỗng Đá thì việc đời còn biết tý gì nữa. Nếu hỏi :

« *Thay đổi bao giờ có biết không ?* »

Tức là cho rằng ông Phỗng Đá vẫn biết có sự đổi thay rồi, duy chỉ còn hỏi ông « thay đổi *bao giờ* ? » thôi.

Còn như hỏi :

« *Non nước vơi đầy có biết không ?* » thì mới khiến được người ta trông rõ ra ông Phỗng Đá.

« Ông đứng đấy trơ trơ suốt ngày đêm »,

« Mà nước kia vơi ông có biết không »

« Hay ông vẫn tưởng hãy còn đầy ? »

Vậy, nếu ông V. T. cố giữ bài *thơ Phỗng Đá* làm bảo vật của cụ Tam-Xuyên, thì chúng tôi xin vui lòng giả ông bản chép theo trong *Tam-Xuyên Thi Tập*. Còn bản chép theo *Quốc Văn Trích Diễm* thì xin ông cho chúng tôi được nhận làm của riêng của cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ, vì chính ông cũng cho là văn ấy « vụng » không đáng là văn của cụ Tam-Xuyên.

Bàn đến đây, tôi lại nhớ đến ngày bé được xem một bản « Kiều » trong đó câu

« Kề từ *xen ngó*, đào tơ »

được nhà xuất bản chữa là :

« Kề từ *trên ngọn* đào tơ »

và gần đây một phú-thương-gia bẻ câu

« Cành lê *trắng* điểm một vài bông hoa » mà cho là

« Cành lê *trang* điểm một vài bông hoa ».

Các cụ tiền bối bằng có sống lại, chắc phải đồng ý với cụ Khổng mà than rằng : « Hậu sinh khả úy ! »

N. P.

TÙY HỨNG

Vô duyên

Lòng thẳng không quen chuyện hão-huyền,
Tôi toàn gặp-gỡ những vô duyên.
Trăng lên trong lạc mây u-ám,
Sông quạnh, mù xa, nước ngược thuyền.

Tôi đợi bên trời chút nắng hanh
Sưởi lòng giá lạnh giữa ngày xanh.
Nhưng mà mưa vẫn rơi không dứt,
Biết hướng nào đây, đón gió lành !

Đò lỡ sang ngang lắm chuyến rồi,
Hững-hờ, hiu-quạnh chiếm hồn tôi.
Vườn người nầy-nở khi Xuân đến,
Xuân đến, vườn tôi vẫn thế thôi.

Hoa nhạt mùi hương, nước cạn giòng,
Chẳng còn mơ-ước hết chờ mong.
Đời tôi như cốc cà-phê đắng,
Không mảnh đường tan để dịu lòng !

Bửu-Kế

Muôn thủa

Tặng Trịnh-Vân

Muôn thu về Hương-giang
Sương buồn rây mơ-màng.
Mộng qua đài mây Ngự
Thông sầu xanh đôi hàng.

Sông thơ buồn, Huế đây !
Núi thơ buồn tràn đầy.
— Anh là khách viễn-xứ
Vừa dừng chân, hôm nay.

— Khách hãy xuống thuyền em !
Đàn ca hồn phách lạc.
Tình gửi lại Thiên-thai
Thuyền trôi về bến Giác.

Trên sông trăng mơ-màng,
Một con đò mang-mang.
Mộng qua đài mây Ngự
Thông sầu xanh đôi hàng.

NGÔ-HÒA

Sách mới

Tri-Tân nhận được và xin giới thiệu :

1· *Nghị-lực*, quyển thứ ba trong bộ « Sức khoẻ mới » của P. N. Khuê do Hàn-Thuyên xuất-bản. Sách dày 204 trang, giá 1p.

2. *Triều Tây-Sơn* (Việt-Nam sử học về thế-kỷ thứ 18) của Phan-Trần-Chúc, do nhà in Mai-Lĩnh xuất-bản. Giá 0p.70

Xin cám ơn các nhà đã tặng sách.

Về vấn-đề cải-cách chữ quốc-ngữ

Tri-Tân có tiếp được tờ đạt của ông Đỗ xuân-Mai, giám-đốc nhà Mai-lĩnh, trong ấy đại ý nói rằng : Vì cuộc thế-giới chiến-tranh, nghề in của ta hiện nay sắp lâm vào một tình-thế khó-khăn là : *chữ in kiểu quốc-ngữ mỗi ngày một mòn đi mà không thể thay bằng chữ mới mua ở Pháp.*

Ông Mai Lĩnh định xin phép Chánh-phủ để tổ chức tại Hà-nội vào tháng Juin sắp tới một cuộc hội nghị các nhà in, nhà xuất bản, nhà báo và nhà văn ở ba kỳ để bàn bạc và quyết định việc sửa đổi chữ quốc ngữ theo cái nguyên tắc tham bác một phần của ông Nguyễn văn-Vĩnh :

1. Thay năm dấu giọng :

bằng năm chữ q f Z w j lấy trong mẫu-tự la-tinh.

2. Thay những chữ có âm : ă ơ ư

bằng những chữ à œ ü ở trong vần tây.

3. Thay những chữ để ghép vần : đ và d

bằng những chữ d x ở trong vần tây.

Sở dĩ muốn sửa đổi như thế, là vì ông Mai Lĩnh cho rằng có mấy cái lợi này :

1. Dùng được chữ tây để in sách quốc ngữ. Chữ kiểu tây nếu chưa mua ở bên Pháp được, có thể mua ở bên Nhật.

2. Dùng lại được những chữ quốc ngữ bị thải đi vì mòn dấu. Các chữ ấy thường chỉ vì mòn dấu mà bị thải, nay ta có thể bẻ cái dấu mòn đi mà dùng lại như thường.

Việc này là một vấn đề quan trọng, chúng ta cần phải nghiên cứu và thảo luận nhiều mới được.

T. T.

TIẾT-HAI

TRẦN THÁI TÔNG (1225-1258)

TRONG bài « Lẹ-ngôn » ở bộ *Toàn Việt thi-tập* mà một ông bầy-tôi nào đó của nhà Lê đã vâng mệnh vua, đứng biên tập, có phê-bình về mặt văn-học của các vua Trần rằng : « Tháo hứng di khoáng, ký tình cao nhã, phong-vị dật nhiên do tồn. Tuy thiền ngữ vi văn, diệc túc kiến đương-thì chính hóa thanh âm chi nganh khái . . . ». Nghĩa là « . . . Mượn hứng thì bằng-phẳng rộng-rãi, gửi tình thì cao siêu nhã-nhặn, phong-vị hãy còn đầy-dẫy ở đó. Tuy trong thơ văn có dùng tiếng bên nhà Phật, nhưng đủ thấy được đại - khái cái thanh-âm của chính-trị và giáo hóa ở đời bấy giờ .. »

Đứng đầu thế-hệ nhà Trần, ấy là vua Trần Thái-Tông (1225 1258). Thế thì mấy lời phê-bình trên đây, lẽ tất nhiên, có thể dùng làm lời khơi mào cho một đoạn văn-học về phần chữ hán của đời Trần (1225-1400) mà vua Trần Thái được kể là một tên lính tiên-phong.

Ngài húy là Trần Cảnh, trước lại có tên là Bồ, là con thứ Trần Thừa và Lê-thị, người làng Tức-mặc (Thiên - trường, nay thuộc Nam - định), đời làm nghề chài lưới.

Ngài sinh ngày 16, tháng 6, năm mậu-dần, niên-hiệu Kiến-gia thứ tám (1218) đời vua Lý Huệ-Tông (1211-1224), mất ngày mồng một tháng 4 năm Bảo phù thứ năm (1273)

Ngài — theo Sử chép — mặt rồng, mũi cao (long chuẩn, long nhan) ; tính-nết rộng-rãi, nhân-hậu và có đại-độ. Lại theo trong bài chiếu làm lời Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, thì ngài là người « văn chất bân bân, thành hiền nhân quân tử chi thể ; uy-nghi ức ức, hữu thành thần văn võ chi tư... » Nghĩa là đủ cả văn-vẻ lẫn chất mộc-mạc, thật là bực hiền-nhân quân-tử ; oai nghi thì cẩn-thận kín-đáo, có cái tư-cách văn võ thánh thần.

Hồi 8 tuổi, ngài làm Chi-ứng-cục Chi-hậu-chính dưới triều nhà Lý, được vào hầu bà Lý Chiêu-hoàng ở trong cung. Ngày 12 tháng chạp năm Lý Chiêu-hoàng Thiên-chương-hữu-đạo thứ hai, được Chiêu-hoàng nhường ngôi, ngài lên ngai hoàng-đế, đổi niên-hiệu là Kiến-trung (1225-1231).

Công-cuộc chính-trị của ngài thế nào, Quốc-sử đã chép cả. Nay tôi chỉ nói về những việc có dính-líu đến văn-hóa và đời văn-học riêng của ngài :

Từ đời Lý (1010-1224), tuy đã có khoa-mục để kén lựa kẻ sĩ, nhưng chưa chia ra đẳng-đệ. Đến năm Thiên-ứng-chính-bình thứ nhất (1232), mới đặt ra tam giáp, định thứ tự trên dưới trong ngạch khoa - cử (1). Còn phép tuyển-sĩ thế nào thì chưa tường.

Năm Thiên-ứng-chính-bình thứ mười lăm (1246), định rằng chức tể tướng, lựa dùng người trong tôn-thất, nhưng phải là người hiền-năng, có đạo-nghệ và thông Thi, Thư.

Như vậy, thông Nho là một trong những điều-kiện của người trong họ nhà vua được lựa làm tể-tướng.

Tháng bảy năm ấy (1246), bắt đầu định niên hạn khoa thi : cứ bảy năm một lần « đại-tị », nghĩa là mở cuộc so-sánh lựa-lọc kẻ sĩ bằng phép thi-cử một cách quan-trọng.

Ở nước ta, phép thi có hạn năm là bắt đầu từ đó.

Tháng hai, năm Thiên-ứng-chính-bình thứ mười sáu (1247), mở khoa Thái-học-sinh (tức như tiến-sĩ). Khác với lối trước trong cách lựa lấy kẻ sĩ chỉ chia làm giáp ất, bấy giờ đặt ra tam khôi (2). Có 48 người đỗ khoa Thái-

Số 26

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

học-sinh ấy mà xuất thân.

Tháng tám năm ấy (1247), thi tam giáo Nho, Thích, Lão (3) Hễ ai thông các khoa tam giáo thì được đỗ, chứ không như trước riêng dành kỳ thi ấy cho con các nhà Nho, Thích, Lão kế nối nghiệp nhà. Khoa thi tam giáo nay chia ra làm hạng *giáp* và hạng *ất*.

Tháng sáu, năm Nguyên-phong thứ ba (1253) lập Quốc-học-viện. Khi làm xong viện, nhà vua sai tô tượng Chu-công, Khổng-tử và Mạnh-tử; lại vẽ tượng thất thập nhị hiền để thờ.

Tháng chín năm đó (1253), xuống chiếu cho học-giả trong nước vào Quốc-học-viện giảng Lục kinh, Tứ thư.

Nhân mấy việc trên, ta thấy đời vua Trần-Thái bấy giờ, tuy mộ đạo Phật, nhưng đã có cái khuynh-hướng suy-tôn Nho-học rồi.

Tháng hai, năm Nguyên-phong thứ sáu (1256) thi Thái học-sinh, nhưng chia làm hai khu : từ Thanh - hóa trở vào nam là *Trại*, từ Thanh-hóa trở ra bắc là *Kinh*. Cho nên, khoa ấy, có Kinh trạng-nguyên và Trại trạng-nguyên (4), khác với trước mỗi khi thủ sĩ, chỉ lấy có một trạng-nguyên thôi.

Trên đây tôi đã lược kể những chính-sự của vua Trần Thái có quan-hệ đến nền văn-học ở thời bấy giờ.

(Tham-khảo : *Đại-Việt sử-ký bản-kỷ toàn-thư, Trần kỷ ; Đại Việt sử-ký chính-biên ; Khâm-định Việt-sử Thông-giám cương mục*, quyển 5-6).

Còn tác-phẩm của ngài nay còn những gì ?

Theo *Đại-việt sử-ký toàn-thư*, *Thánh đăng ngữ lục* và *Toàn Việt thi tập*, v. v., thì vua Trần Thái có những tác-phẩm này hoặc làm ra sau khi vạn cơ nhàn hạ hoặc sở đắc ở những lúc thành tâm tu trì :

1) Bài *minh* do chính ngài viết ban cho các hoàng-tử để dạy về *trung, hiếu, hòa, tốn, ôn, lương, cung, kiệm* (Nguyên-phong nguyên niên, 1251).

2) Bài *bia* đền sinh-từ ông Trần Thủ-Độ do chính ngài soạn để tỏ ý sủng ái Thủ-Độ một cách khác thường. (Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, chính biên quyển 7, tờ 6).

3) Hai bài thơ (5) còn sót lại : *Tống Bắc-sứ Trương Hiền-khanh* và *Ký Thanh - phong am tăng, thỉnh chính* (có chép trong *Toàn Việt thi tập*, v. v.).

4) *Văn tập* một quyển (6).

5) *Thiền-tông chỉ nam ca* một quyển (7).

6) *Thiền tông khóa hư* mười quyển (8).

Sau khi đã kê xong cái bản thống-kê nhỏ về tác phẩm của ngài rồi, ta thử dựa vào những áng văn của ngài còn sót lại mà phân-tích sơ qua.

Trong vua Trần Thái, ta nhận thấy ngài vừa là nhà thơ, vừa là nhà triết học.

Thơ ngài chẳng những đã đi sâu vào chỗ xảo-diệu của từ chương, mà lại tặng người đọc một thứ hương-vị của nhà đạo-học nữa. Như hai câu *tam, tứ* trong bài tiễn sứ Tàu là Trương Hiền-Khanh (9) :

« Mã thủ thu phong xuy kiếm giáp.
«Ốc lương lạc nguyệt chiếu thư am ».

Dịch :

Đầu ngựa, gió thu phào kiếm giáp (10).
Sà nhà, trăng lặn chiếu thư-am.

Hai câu ấy có một ý man mác tiếc biệt tràn-trề ra ngoài lời nói khiến trong lúc khách lên ngựa, chủ dừng chân, đôi bên không khỏi bùi-ngùi vì chén quan hà ngây-ngất.

Lại như câu :

« Phong đả tùng quan, nguyệt chiếu đình,
« Tâm kỳ phong cảnh cộng thê thanh » (11).

Dịch :

Cửa thông, gió đập ; sân, trăng soi...
Như cảnh, lòng mong cũng mát ngời.

Hai câu trong bài gửi cho vị sư ở am Thanh-phong ấy, tác-giả đã tả được cái êm-dịu, cái thanh-thú của cảnh nhà chùa, mà lại biểu-lộ được cái tâm-hồn những muốn lâng-lâng sạch bụi.

HOA-BẰNG

Còn nữa

---

1) Trương Hanh (người Trường-tân thuộc Hồng-châu) và Lưu Đạm đỗ đệ nhất giáp ; Đặng Diễn và Trịnh Bẫu đỗ đệ nhị giáp ; Trần Chu-Phổ, (người Tế-giang thuộc Bắc-giang) đỗ đệ tam giáp.

2) Nguyễn Hiền (người Thượng-hiền thuộc Thiên-trường) đỗ trạng-nguyên ; Lê Văn-Hưu (người Đông-sơn thuộc Thanh-hóa) đỗ bảng-nhỡn ; Đặng Ma-La (người Chương-đức thuộc Sơn-nam) đỗ thám-hoa

3) Ngô Tần (người Trà-lộ) trúng giáp-khoa ; Đào Diễn, Hoàng Hoan (đều là người Thanh-hóa) và Vũ Vị-Phụ (người Hồng-châu) trúng ất-khoa.

4· Khoa ấy, Trần Công-Lặc, người Thanh-lâm thuộc Hồng-châu, đậu Kinh trạng-nguyên ; Trương-Sán người Hoành-sơn thuộc Bố-chính, đỗ Trại trạng-nguyên, Chu Hinh, người Tế-giang thuộc Bắc - giang, đậu bảng-nhỡn ; Trần Uyên, người Đường-hào thuộc Hồng-châu, đậu thám-hoa và 43 thái-học-sinh.

5· Bài « Văn học sử » trước đăng ở T. T. số 45 trang 14, cột 2, in lầm là « còn 1 bài ». Luôn dịp xin đính chính cả mấy chỗ in sai ở cùng bài ấy : trang 15 cột 2, giòng 17 : « Hải *khâu* hồ dực » sửa là « Hải *khẩu* hồ dực » ; cột 3, giòng 18 : « Trần *kỷ* » sửa là « Trần *kỷ* ».

6· Tập văn này thất truyền rồi. Không rõ có kể cả thơ vào đó không.

7· Trong *Thánh đăng ngữ lục* chép rằng : vua Trần Thái thường đọc kinh *Kim cương*, đến câu « ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm », ngài trầm mặc ngẫm nghĩ, rồi khoát nhiên đại ngộ. Ngài bèn đem những cái mình đã ngộ ấy mà làm ra « *Thiền tông chỉ nam ca* ». Không rõ tác-phẩm này hiện nay ở bên nhà chùa có còn giữ được không. Tôi có được đọc cuốn « *Trần triều thiền tông chỉ nam truyền tâm quốc ngữ hành* », thấy không phải là bài ca trên.

8. Bản Khóa hư ở các chùa bây giờ chỉ có ba quyển, thượng, trung, hạ.

9 Nguyên văn bằng chữ hán, toàn bài như vầy :

Cố vô tặng báo từ hoà tâm,
Cực mục giang cao, y bất khám !
Mã thủ, thu phong xuy kiếm giáp.
Ốc lương lạc nguyệt chiếu thư am.
Mạc không nan nhậm nhạn quy bắc.
Địa noãn sầu văn yến biệt nam.
Bắc khứ, vị tri khuynh cái nhật,
Thi thiên liễu vị đáng thanh đàm.

10· *Kiếm giáp* nghĩa là cái đài gươm ở giữa khoảng lưỡi và chuôi gươm.

11· Còn hai câu nữa :

Cá tang tư-vị vô nhân thức !
Phó dữ sơn tăng lạc đáo minh.

Thời-đàm

MIỀN NÚI CAUCASE (1)

NHẬT-NHAM

CAUCASE là một dải núi dài 1200 cây số, đứng giữa bể Caspienne và Hắc-hải, có nhiều ngọn rất cao như Elbrouz cao 5630 thước tây, Kasbeck cao 5050 thước tây.

Hai bên chân núi Caucase có tất cả 14 khu-vực do Nga cai-trị, gọi chung là miền Caucase, với 11.735.000 người Caucasiens. Các thị-trấn quan-trọng là Stavropol, Derbent, Bakou, Tiflis, Batoum, Erivan và Kars.

Vì địa-thế ở giữa Hắc-hải và bể Caspienne, lại giáp giới mấy nước như Thổ-nhĩ-kỳ, Nga-la-tư và Ba-tư, vì có nhiều sản-vật thiên-nhiên, nên miền Caucase có một địa-vị rất quan-trọng trên trường quốc-tế.

Sau bao nhiêu cuộc chiến-tranh khốc-liệt, người Nga mới chiếm được miền Caucase : trong vòng nửa thế-kỷ (1832-1879), quân-đội Nga (12 vạn người) phải hết sức chiến-đấu mới chinh-phục nổi dân sơn-cước vùng Daghestan theo đạo Hồi và hàng được tướng Schanyl-Ali. Phía nam miền Caucase, người Nga chiếm xong xứ Géorgie, bèn lần lượt khai chiến với quân Ba-tư (1813 và 1828) và quân Thổ-nhĩ-kỳ (1829 và 1878) đều được thắng-lợi và làm chủ xứ Arménie.

Tới đầu thế-kỷ thứ 20, miền Caucase, nhờ có nhiều mỏ dầu, mà trở nên một khu-vực rất phồn-thịnh của nước Nga Sô-viết.

Hai nơi sản-xuất nhiều dầu nhất là Bakou trên bờ bể Caspienne và Grosnyi ở chân núi Caucase phía bắc. Trước hồi Âu-chiến 1914-1918, các giếng dầu Bakou đủ cung cho miền Nam-Nga, miền lưu-vực sông Volga, miền duyên-hải Caspienne, miền Transcaucase và miền Transcaspie, lại còn thừa dầu xuất-cảng sang Thổ-nhĩ-kỳ và các nước Âu-châu.

Nhờ có mỏ dầu Bakou mà các miền lân-cận trong đất Nga ngày thêm phồn-thịnh, nền kinh-tế nhờ đó được mở-mang.

Còn các giếng dầu Grosnyi, vì mãi sau mới phát kiến được, nên đến hồi Âu-chiến 1914 mới bắt đầu khai-thác.

Từ lâu, người Đức vẫn tìm một con đường mới thẳng tới Ấn-độ. Dưới mắt Chính-phủ Bá-linh, miền Caucase có một địa-vị rất quan-trọng trên đư-đồ thế-giới : một dải núi trùng trùng điệp điệp làm địa-giới giữa xứ Tây-Á và Trung-Á ; một bức trường-thành kiên-cố ngăn cách hai châu Âu, Á ; một nơi gặp-gỡ các đường hỏa-xa Thổ-nhĩ-kỳ, Nga-la-tư và Ba-tư.

Ngay tháng Janvier 1918, những sĩ-quan Đức đã xui-giục các bộ-lạc miền bắc Ba-tư nổi loạn. Một đạo quân Thổ miền Caucase đứng đầu cuộc biến-động, đánh nhau với dân xứ Arménie, chiếm thành Erzeroum, Sarikamich ; sau lại khai chiến với dân miền Géorgie, lấy được thị-trấn Batoum trên bờ Hắc hải. Trong khi ấy, quân-đội Đức tập-trung tại Odessa và nhiều viện-binh Thổ-nhĩ-kỳ cũng sẵn-sàng chờ ở đô-thành Constantinople, đợi lệnh để đáp tầu sang Caucase.

Trung-tuần Septembre 1918, chương-trình của Đức sắp có kết quả mỹ-mãn, thì một sự không ngờ, xảy ra làm cho cái dự-định ấy không thể thực-hành được triệt-để. Chiếm được thành Bakou, quân Đức phải ngừng tiến trên mặt trận Caucase và rút về giữ chiến-tuyến Pháp.

Rồi kế đến sự thất-bại của Đức tại Âu-châu.

Sau cuộc đình-chiến giữa Đức với đồng-minh, lại đến lượt chính-phủ Mạc-tư-khoa chú-ý đến vấn-đề Caucase Nga đứng đầu phong-trào liên-lạc dân Hồi-giáo để chống lại Anh và đồng-minh, mục-đích muốn uy-hiếp Anh về mặt Ấn-độ, dấy dân Hồi và Ấn-độ nổi lên đánh người Anh.

Hội-nghị Bakou họp tháng Septembre 1920 do Chính-phủ Mạc-tư-khoa triệu-tập tất cả đại-biểu dân Hồi, mãi năm sau, mới tuyên-bố với Âu-châu cuộc đồng-minh Thổ và Nga để chống lại chính-thể đô-hộ Anh tại Ấn-độ.

Thế là sau cũng như trước cuộc đình-chiến, miền Caucase là trung-tâm của sự hoạt-động phái Hồi-giáo và Nga. Không những Đức muốn bành-trướng thế-lực sang Đông-Á và Trung-Á, mà Nga lại còn hơn thế, muốn đi thẳng tới Ấn-độ. Như vậy hình như Đức đã nhường cái chương-trình của mình cho Nga Sô-Viết : chiếm miền Caucase là cái quan-ải trên đường giao-thông Âu-châu với Á-châu, rồi tràn sang đất Á.

Người Anh bị phong-trào liên-lạc các dân Hồi-giáo uy-hiếp tại Ấn-độ, bèn kéo quân sang Đông-Âu, công-phá các cơ-quan phòng-thủ tại Constantinople và Caucase, chiếm các miền Syrie, Mésopotamie, Ả-rập, Palestine làm chủ cả miền Cận-Đông.

Sau cuộc hòa-ước, Anh được quyền chiếm đóng Thổ-nhĩ-kỳ và Caucase về phương-diện binh bị.

Nắm được thành Mecque là trung-tâm của đạo Hồi, Anh lợi-dụng đặt phong-trào Hồi-giáo dưới quyền mình, cử lấy một vị giáo-hoàng ở Mecque, đứng đầu tất cả tín-đồ Hồi-giáo.

Theo chương-trình Đức, thì quốc-vương Constantinophe làm chủ Hồi-giáo.

Muốn thực-hành một cách tự-do và triệt-để cái chương-trình liên-lạc Hồi-giáo của mình, Anh cần được đứng độc lập tại Syrie, Cilicie, Thổ và Mossoul. Nhưng việc chiếm đóng miền Caucase về binh-bị, việc tổ-chức chính-thể dân-

(1) *Xem lại bài « Từ bán đảo Crimée đến miền núi Caucase » ở T. T số 25.*

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Hỡi dân Pháp, sắp hàng vào mà ủng-hộ Bản-chức, bởi chưng các người đã cử ta làm quốc-trưởng. Các người hãy dẹp mọi lời chê-bai, để cho Chánh - phủ được dễ-dàng làm việc »

tại Géorgie và Arménie là những duyên cớ để phái Hồi - giáo chống lại người Anh và làm ngăn-trở sự hợp - tác giữa Anh và Hồi-giáo.

Gặp nhiều nỗi khó - khăn trong việc nội-trị, lại đứng trước một phong-trào phản-động của phái Hồi-giáo tại Ai-cập, Mésopotamie, Ấn-độ, người Anh nhất định rút quân khỏi Caucase trong vụ hè 1919, để nối lại tình bang - giao với Nga về việc thương-mại.

Miền Caucase mới thoát-ly khỏi Chính-phủ Anh được ít lâu lại làm mồi cho hai dân-tộc Nga-Thổ xâu - xé. Hai tay cừu địch từ thế-kỷ trước lại xuất - hiện trên miền Caucase, để bành-trướng thế - lực mình và làm trở - lực cho cuộc bành-trướng thế-lực bên địch

Trong các khu-vực có quân Nga chiếm đóng, nổi lên phong trào phản-động ngày càng kịch-liệt. Dân Hồi phản-kháng lại những sự uy-hiếp của quân - đội Nga. Nga nhất định đánh miền Géorgie

Ngày 12 Février 1921, trong một ngọn núi Caucase về phía Nam tỉnh Tiflis, quân-đội Géorgie xung-đột với quân-đội Arménie của Nga. Quân Nga khai chiến ngay và kéo thẳng đến Tiflis. Tuy quân Géorgie kháng - chiến mãnh-liệt nhưng kinh-thành Tiflis cũng bị Nga chiếm ngày 25 Février 1921. Từ Tiflis, quân Nga tiến đánh Batoum. Trong vòng non một tháng, Batoum lọt vào tay quân đội Nga.

Quân Nga đi tới bờ Hắc-hải. Từ Bakon đến Batoum, người Nga làm chủ miền Caucase.

Thổ thấy Nga thắng-lợi, sợ một ngày không xa, sẽ đem thế-lực uy-hiếp mình, bèn hết sức ủng-hộ các miền theo đạo Hồi tại Trung-Á và Turkestan để làm trở-lực cho cuộc bành-trướng của Nga tại Á-châu.

Mùa xuân 1921, Nga thực-hành chương-trình đánh Ấn-độ.

Thổ ủng-hộ miền Caucase chống lại Nga, làm thành một bức lũy kiên-cố ngăn đường tiến quân của Nga sang Á.

Thổ và Nga sắp quyết - chiến, nhưng lại dàn xếp được ngay.

Hòa-ước ký tại Kars tháng Octobre 1921 giữa Mạc-tư-khoa, Angora và các miền Caucase, cho Thổ được khôi-phục lại địa-giới trên đất Arménie của Nga theo như hòa ước Batoum ký tháng Mai 1918 Mà hòa-ước Batoum ký giữa Thổ và các xứ Caucase cũng chỉ là những điều-kiện của Đức trong hiệp-ước Brest-Litoviste đem ứng-dụng cho miền Caucase.

Xem như thế, đủ biết sau bức màn sân-khấu Caucase, vẫn có Đức chủ động.

Tại sao Đức chú-ý luôn đến miền Caucase ? Chắc các bạn đọc cũng như tôi có thể trả nhời một cách rất dễ-dàng: vì Đức muốn chiếm những suối dầu vô-tận để cung cho cơ-khí của nước mình.

Sau khi khai-chiến với Nga, Đức đã từng nghĩ đến cuộc tấn-công vào Caucase, nên hai mặt cho quân mở đường tiến đánh. Phía bắc, trên đồng - bằng Ukraine, phía đông, trên bán đảo Crimée Đức đã chiếm được nhiều địa-lợi và sắp-sửa đánh thẳng vào miền Caucase thì gặp mùa đông tới ; quân Nga phản-công lấy lại được nhiều trấn, nên cuộc tấn công vào bị đình-trệ.

Trong khi ở phía đông, Nhật sắp tiến quân sang Ấn-độ và ở phía tây Đức tìm một đường xuyên sang Á để liên-lạc hai chiến-tuyến của phe trục, cuộc tấn công của Đức trong mùa xuân sắp tới sẽ đặt vấn-đề Caucase lên trên các vấn-đề cần giải quyết.

Một bên, Đức nhất-định chiếm Caucase là nguồn dầu vô-tận để khuyếch-trương nền kỹ-nghệ chiến-tranh cần cho sự bảo-vệ đất nước và tăng lực lượng của mình trên trường quốc tế.

Còn một bên, Nga dù phải hi-sinh đến đâu cũng nhất định giữ vững những giếng dầu đã chiếm trong 20 năm nay để cung cho kỹ-nghệ cơ-khí của Nga.

Hai bên sẽ hết sức trung-thành với nhiệm-vụ của mình và giữa hai bên, sẽ có cuộc xô-xát vô cùng mãnh-liệt quanh miền Caucase.

Cả thế-giới đương chú-ý đến miền núi Caucase, vì tại Caucase, sẽ kết-liễu cuộc chiến-tranh Nga-Đức mà có nhẽ cả cuộc chiến-tranh thế-giới nữa cũng nên.

NHẬT-NHAM

Tin mỹ-thuật

Phòng triển lãm của ba nhà nhiếp-ảnh Nghi, Tranh và An

Nhiếp ảnh là nghệ thuật dùng ánh sáng để tạc tượng hình hay để họa một một bức tranh. Chỉ đen và trắng mà các nghệ - sĩ nhiếp-ảnh đã khéo - léo tả nên được hình dung tuyệt-mỹ, những bắp thịt mềm-mại, những nét mặt thâm - trầm. Hiểu vậy, ba nhà nhiếp-ảnh có tâm hồn nghệ-sĩ đã khôn-khéo thu được những tác phẩm có giá-trị mà bày ở đường Cột-cờ đã hấp dẫn biết bao khách thẩm-mỹ đến thưởng ngoạn.

Đứng trước những tác-phẩm đó, ta thấy ống ảnh là con mắt của họa-sĩ, là giác quan thứ sáu của nhiếp - ảnh gia dùng để phô lên giấy những cảm-giác bị quyến-dũ trước những hình dung đẹp-đẽ.

Những bức *« mự cười »*, *« bàn tay »*, *« chân dung »*, *« chiếc mành mành »* đều có một vẻ đẹp thâm kín dịu-dàng của một tâm hồn cao quý.

Bức «bên Đà-nẵng» bức, «trong rừng» là một bài thơ tả cảnh thiên nhiên vĩ-đại.

Nghi, Tranh và An, ba nhà điêu khắc bằng ánh sáng, đã diễn lên nét mặt linh hoạt đầy ý nhị, những linh hồn có tâm tư.

Hãy gắng lên, các bạn ! Hãy cùng nhau hiệp lực để đi đến một nghệ - thuật cao siêu của nghề nhiếp-ảnh.

Họa-sĩ TRỊNH-VÂN

Nam. Mên, Lào cứ theo đời Văn - minh Pháp, mà chẳng phải quên hoàn cảnh hay trái với nền nếp của tiền nhân.

Đông-dương Học - Xá là cái đình hội-họp của các bậc anh tài của năm xứ.

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Về vụ phi-cơ Tàu đến Gia-lâm bữa 12 Mai 1942, có 4 người Nam bị chết và năm người bị thương. Các nhà cầm quyền đã định liệu việc giúp-đỡ những gia đình bị nạn ấy.

Hôm 13 Mai, Tòa Án Đại hình đặc biệt đã xử phạt ông An-Po 1 năm tù và 6 van đồng

Hôm 16 Mai, vùng Laokay bị máy bay từ biên-giới Tàu bay sang ném bom: 7 người chết, 1 người bị thương!

Nội-các Huế đã thay đổi:

Ô. Ưng-Úy: bộ Lễ kiêm bộ Công.

Ô Trần thành-Đạt: bộ Quốc-gia giáo-dục.

Ô Trương như-Định: bộ Kinh-tế.

Ô Phạm Quỳnh: bộ Lại.

Ô. Bùi bằng-Đoàn: bộ Hình.

Ô. Hồ đắc-Khải: bộ Tài-chính.

Hôm 13 Mai, tại Sai gon đã có cuộc hội họp của các ông chủ nhiệm các báo-chí Pháp Nam xuất bản ở Nam kỳ để ấn định giá bán báo trong Nam như sau này:

Nhật-báo viết bằng Pháp-văn ra 4 trang bán 0 p 20 một số.

Tuần-báo viết bằng Pháp-văn ra 4 trang mỗi số bán 0 p 20.

Nhật-báo viết bằng Quốc-văn ra 4 trang bán mỗi số 0 p 10 và ra 2 trang mỗi số bán 0 p 05.

Tuần-báo viết bằng Quốc-văn ra 4 trang mỗi số bán 0 p 10.

Nghị định ngày 5 Mai của quan Toàn quyền định rằng tại các trường trung-học Bảo hộ (Hanoi) Khải-định (Huế) và Pétrus Ký (Sai-gon) sẽ mở một lớp Cổ điển Viễn đông dạy chữ, tiếng và văn chương cổ-điển Trung-hoa cùng Hoa-Việt.

Lớp này sẽ mở từ vụ khai trường về niên-khoá 1942 - 1943, dạy cho bậc trung-học. Môn này sẽ có hạch trong kỳ thi lấy bằng Tú tài.

Trong các năm 1941, 1942, lớp này chỉ mới dạy cho học-sinh lớp thứ 6 được thôi.

QUỐC-TẾ

Hoa-kỳ đã đem nhiều quân và chiến-cụ sang Tô-cách-lan (Irlande).

149 256 quân Nga bị bắt ở bán-đảo Kertch.

Quân Nhật đang tấn công ở Chiết-giang và cho phi-cơ đánh rất dữ các nơi căn cứ không quân ở Quảng-tây. Có tin Nhật sẽ tiến quân từ các tỉnh Tuy-viễn, Sơn-tây, Hà-nam, Chiết-giang, Hồ-bắc, Quảng-đông và Vân-nam đánh vào Trùng-khánh.

Cửa bể Moresby bị ném bom dữ.

Vì hôm 10 Mai ở Paris đã xảy ra vụ mưu-sát một nhân-viên trong quân-đội Đức và cũng ngày đó ở Paris lại có một vụ bom nổ ở một tòa nhà có quân-đội Đức đóng nên 5 người bị xử bắn.

Ý đánh đắm được chiếc chiến hạm Maryland của Hoa-kỳ, trọng tải 32.500 tấn.

Mỹ phái 4 sư đoàn sang Syrie và miền Cận-đông.

Thánh Gandhi khuyên Trung-hoa nên giảng-hòa với Nhật.

Chiếc tàu ngầm «Surcouf» của Pháp bị Anh chiếm đoạt vừa bị đánh đắm ở Đại tây dương.

Phái Hà ứng Khâm đổ lỗi cho việc quân Tàu bị bại trận ở Diến-điện là do các tướng Trần-Thành và Trương Phát-Khuê. Nhiều giới người Tàu vận động đánh đổ Khổng Tường-Hy thuộc phái thân Mỹ. Có tin Tưởng giới-Thạch sắp sang Mỹ.

Đón coi

Tuần sau (T. T. số 48) nhằm ngày đệ nhất chu niên của Tri-Tân, Tri-Tân sẽ đăng bài trúng giải nhất cuộc thi lịch-sử ký-sự do bản-chí tổ-chức.

Trong số ấy sẽ có nhiều bài vui-vẻ, hoạt-động và mới-mẻ.

Đến số chuyên-san về triều Gia-long (T. T. số 50) sẽ ra mắt các bạn thân yêu những bài như:

Nỗi lòng Tố-Như...
của *Kiều Thanh-Quế.*

Quan Thượng Nguyễn Gia-Phan với vua Gia-long của *Trúc-Khê*

Hậu quân Lê Chất
của *Nguyễn Triệu*

và nhiều bài đáng đọc nữa.

Hộp thư

Ô Lệ-Ảnh, Faifoo. — Tiền cước gửi có 0p13 thôi, chứ đâu phải là 9p13 như ông đã nhận lầm. Đã nhận được ngân phiếu 0p50 của ông trả về 3 số báo.

Ô. Dương ngọc-Hồ, Ninh-hòa. — Đã nhận được ngân-phiếu 3p63. Xin cảm ơn.

Ô. Trần ngọc-Sang, Vĩnh-yên. — Vẫn gửi báo như thường. Đã nhận được ngân-phiếu 1p80. Xin cảm tạ.

Ô Nguyễn Hoàng Tư, Saigon.— Đã nhận được ngân-phiếu 1p.80 về tiền mua ba tháng báo. Kịch «*S C. D.*» sẽ đăng vào số sinh-nhật của T. T. Xin cám ơn.

Bạn Khuông Việt, Saigon.— Đã tiếp được bài «X. H. T. T. N, K.». Đa tạ.

Đã có bán

Loại sách Quê Hương

I

TRAN-CAN

(*Kèm thêm Lý Chiêu-Hoàng*)

Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi-giới Việt-Nam.

(Đã diễn ba lần tại Thanh-hóa 3-2 40 Bắc-ninh 25 3-40 ; Vinh 8-242 ; kết quả đều rất rực rỡ)

Một thi-phẩm tuyệt tác (Hải-Triều)

của PHẠM KHẮC KHOAN

Người đầu tiên chuyên viết kịch dài bằng thơ theo sự-tích của Quê Hương đất nước

Tổng phát hành : HÀN-THUYÊN xuất-bản-cục

53, Rue Tien-Tsin — Hanoi

Bài trúng giải nhì cuộc thi Đa-hòa

Nghe đền chánh Đa-hoà mở hội
Tấm lòng thành khắc-khoải mong đi.
Trừ-tiên linh-tích còn ghi,
Nam thiên bất tử bốn vì một đây.
Hôm khởi hành gặp kỳ xuân mộ:
Tự thành Nam xe hoả ngược lên
Hà-nam rồi tới Phú-xuyên
Võ-lăng, phố Tía lần lên phả Thường.
Xuống ga, sẵn xe hàng chực đó,
Thuê xe vào bến chợ Vân-la
Đò ngang đẩng-đỉnh chèo qua,
Bên kia sông ấy tức là tiên cung.
Nhìn phong cảnh : non Bồng, nước Nhược,
Ngắm dân thôn ngỗ múa, đường ca.
Chính nơi sở tại Đa-hòa
Trên là chợ Mỗ, trong là phủ-nha.
Kia dấu cũ cầm hồ Hàm - tử;
Nọ vết xưa đoạt sáo Chương-dương.
Tự-nhiên bãi cát vàng vàng,
Bóng thuyền để tử trông dường xa xa
Vàng Gia-trạch xanh ngô, vàng lúa,
Nhận lơ-mơ chốn cũ lâu-đài.
Hai ngàn năm trước đến nay,
Dấu tiên phảng-phất nơi này chưa lu.
Xét thần-tích trong U-linh chí,
Ở vào đời Hùng-qúi nước ta ;
Một nhà con có một cha
Sinh nhai trên bến Trừ-gia-tân này.
Con hiếu thảo đêm ngày hết bụng,
Cha chẳng may khuất bóng non thần;
Lo toan táng liệu ân-cần.
Thấu trời lòng thảo muôn phần xót-xa !
Cơ tác hợp trời già cũng ngợ :
Bỗng một hôm,chàu ngự thuyền chơi,
Gặp nhau cá nước duyên hài,
Ba sinh hương lửa nhớ lời nguyện xưa.
Vốn hò hẹn đã từ tiên phủ,
Đáng kiếp này tơ đỏ mới se,
Sắt cầm vui chữ « xướng tùy »
Quỳnh-am kết bạn tu-trì mấy năm.
Học thành đạo, tinh thâm mọi pháp,
Đem phép tiên độ khắp bần dân :
Đau, cho thuốc ; đói, cho ăn ;
Hung hoang, dịch lệ trông ân hộ-trì...
Hai bảo-bối gậy tre, nón lá
Hóa phép thành quảng-hạ, cao lâu ;
Non sông gấm vóc một màu,
Thái-bình cảnh-sắc dễ đâu sánh tày !
Miền hương-ấp, nhân ngày du-ngoạn,
Duyên kỳ-phùng may-mắn lạ sao !
Tây-nương cũng bạn tiên-tào :
Gặp nhau gắn-bó tất-giao một lòng.
Cung tỷ muội thiên-cung kiếp trước,
Lại chung lo khăn lược một nhà ;
Khác loan một xướng, hai hòa,
Gió trăng vui thú, cỏ hoa đậm tình...
Kỳ phục mệnh đế đình vừa đúng,
Một đêm kia, xe phụng về trời,
Trên mây, ngoài gió thềnh-thơi,
Gót tiên thoăn-thắt vượt ngoài trần-ai.
Cả lâu, điện, đền, đài lúc trước
Cũng biến ra bàn nước khắp nơi.
Linh thanh hiển-hách đời đời,
Muôn thu hương khói, một nơi miếu từ.
Trong dân-xã cầu gì được đó,
Công độ-trì vật phụ, nhân khang.
Sắc phong thượng đẳng rõ-ràng,
Lịch triều bao tặng huy-hoàng long chương.
Nào khi giúp Triện-vương Quang-Phục :
Một đoàn thuyền độc-mộc tiến công
Đâu-mâu nhờ có móng rồng
Người Lương, tướng mạnh, quân hàng, phải thua !
Nào khi giúp bình Ngô, dẹp loạn :
Điềm chiêm bao tôi Nguyễn, vua Lê,
Lam-sơn ngộ-hợp lạ-kỳ,
Quả nhiên đại định thu về nước non...
Chuyện linh-ứng kể còn khôn xiết,
Bia miệng người tạc biết bao nhiêu.
Ơn-linh lâm-liệt dường nào,
Tỉ dân, hộ quốc, công cao, đức dày !
Ngẫm cho biết các ngài tiên phật !
Chỉ một lòng cứu tuốt sinh-linh,
Sống khôn mà khuất cũng linh,
Nước mình cậy sức, dân mình đội ơn.
Khi còn sống, tu thân, học đạo,
Đem đạo mình cải tạo nhân-sinh.
Khuất đi, cũng chẳng vong tình,
Trừ tai, hãn hoạn rành-rành hiển-linh;
Lợi không thiết mà danh chẳng tưởng,
Sạch lâng-lâng chẳng vướng bụi đời.
Trăng ngàn, gió núi thảnh-thơi,
Vui trong tâm-tính là vui tuyệt trần.
Vui vì giúp được dân, được nước,
Thỏa tấm lòng nhân-đức thanh-cao.
Trăm sông, vạn lạch tuôn-dào,
Muôn loài tươi tốt, bể nào có khoe ?
Hoa đua nở vàng hoa, đỏ khé,
Ông Xanh kia sá kể làm công ?
Trời cao, bể rộng mênh-mông ;
Lòng tiên lòng phật cũng lòng ấy thôi.
Trên tiên cảnh, hẳn ngồi không nỡ
Ngó dưới trần máu nhỏ, xương rơi,
Gió gươm, mưa đạn khắp trời,
Cõi Nam riêng lọt vòng ngoài can-qua.
Hẳn ủng-hộ có nhờ Thần lực,
Thảm kiếp này không mắc tai ương.
Dám mong mở lượng cao dày,
Xui cho chong-chóng đến ngày nhỉ bình.
Suốt muôn nước hòa-bình khôi phục,
Hóa bình đao ra đúc cày bừa,
Tứ dân lạc nghiệp, an cư,
Năm năm mở hội đa ơn thái-bình.

TỪ-LONG
Hà-nội

Bản - chí khải sự

Vì nay công thợ cao, giá in đắt, tiền gửi báo cũng tăng, nên nhà báo gặp lắm bước khó khăn hơn trước nhiều. Vậy dám mong các bạn độc-giả và các nhà đại-lý sốt sắng về sự trả tiền cho.

Mua báo, xin kể từ ngày mồng một hoặc ngày rằm từ tháng bắt đầu cho tiện việc sổ sách.

Riêng với các bạn nam nữ học-sinh các trường công tư, bản chí xin tính một giá đặc-biệt để tỏ ý khuyến khích về sự đọc báo quốc-văn.

TRI-TÂN tạp chí

Du-ký

Sau tám năm trở lại thăm Laokay

Số 2

NHẬT-NHAM

Ô-tô lại trèo dốc. Trông xuống dưới, ruộng xếp từng hàng trên sườn núi, nhà của người Mèo làm ngay bên cạnh để coi lúa, ta có thể tưởng-tượng cuộc sinh-hoạt của giống người thổ-trước vất-vả đến nhường nào, một giống người đủ nghị-lực, kiênnhẫn, kinh-nghiệm và khéo léo.

Cách Chapa vài cây số, đã thấy có nhiều nhà gạch mới xây và vườn trại của người Âu mới khai-phá, trông có vẻ lạc-quan: một cảnh tượng phi-nhiêu, đẹp đẽ của một vùng trời biên viễn.

Chapa ngày nay đã mở-mang hơn trước bội phần. Nhiều túp gianh đã nhường chỗ cho các nhà gạch đồ-sộ nguy nga; nhiều bãi cỏ rậm đã thành vườn rau xanh tốt; nhiều đường nhỏ hẹp nay đã mở rộng thênh-thang và giải rựa sạch-sẽ.

Chúng tôi lưu-trú tại dinh ông Nguyễn-tài-Minh, bang tá Chapa.

Thăm các bạn quen, g'ong chơi các phố, chiều hôm ấy, chúng tôi đi vãn cảnh thác Bạc (Cascade d'argent).

Thác này cách Chapa non ba cây số, ở ngay chân núi Fan-si-pan là một dãy núi cao nhất Bắc-kỳ (3.142m). Thác trên cao đổ xuống, toé ra nghìn tấm bạc. Canh-trí thiên nhiên cực kỳ xảo-diệu. Sở Công-chính đã khéo lợ-dụng sức nước thác này để quay các động-cơ, đặt máy điện ngay chân núi Fan-si-pan. Điện đèn Chapa do sức «than trắng» ở thác Bạc sản ra, sức sáng không kém gì điện các nơi. Thực là một sáng-kiến rất lợi cho nền kinh-tế miền này.

Đi chơi thác Bạc phải dùng ngựa: lúc đi, đường dốc xuống mãi chân núi; lúc về, phải đi ngược lên, nên vất vả hơn lúc xuống.

Chapa cũng có sông bạc. Tuy ông chủ sông là người Nam, nhưng người làm công đều là người Hoa-kiều, vì khách trú rất am-hiểu việc trưng-thầu đồ bác. Sông bạc này là sông công-khai, to thứ tư trong tỉnh, sau các sông Laokay, Cốc-lếu, phố Mới.

Vì có sông bạc, nên cảnh-tượng Chapa cũng đỡ buồn tẻ đối với những người lữ-thứ có máu-mê đen đỏ.

Sáng hôm sau, yểm tâm xong, ngựa đã sắp sẵn, bốn người, bốn ngựa, giong ruổi trên đường, thẳng tiến về vùng Mường hoà, thăm cảnh cầu Mây. Ngựa lững-thững bước một, ra khỏi phố thì theo quanh ria núi, dần dần tiến lên. Trên cao trông xuống thung-lũng: ruộng lần lượt xếp từng hàng đọc, đường quanh co theo lối chữ «chi» rừng xanh trắng điểm ít n hiều giòng nước, lại lơ thơ một vài nóc nhà gianh, xen lẫn với cỏ non xanh biếc, khác chi một bức tranh sơn thủy mãn hoa. Đường đi thực là hiểm-trở, vừa hẹp, vừa khấp-khểnh những đá cùng mô, và dưới tình hang vời hốc, trông sâu thăm thẳm. Đi qua mấy đồi cỏ, vòng quanh mấy quả núi thì chúng tôi bắt đầu xuống dốc và một chốc đã trông thấy sông Mường-hoà. Phát-nguyên từ núi Fan-si-pan, sông này là một chi nhánh sông Nhị hà, có nhiều thác và chảy qua hai cánh đồng. Về phía ấy là đong nam Chapa, sông Mường-hòa chạy qua giữa hai giẫy núi rồi chảy xuống một cánh đồng bằng rộng rãi, có nhiều ruộng nương xanh tốt. Thoạt nhìn đã biết mùa màng vùng ấy họ trông nom rất cẩn thận và mất nhiều công phu lắm mới được thế. Chung quanh ruộng lúa trên các bãi có giồng ngô đỗ..

Chúng tôi đi qua một xóm lơ thơ vài nhà, trước cửa có dan câu đối chữ nho viết giấy hồng điều. Thấy khách qua đường, các thổ dân đều lễ phép cúi chào. Cạnh nhà lá suối, có cối dã gạo, dùng sức nước vận động, Đó cũng là một cái trí thức tinh khôn của dân thượng-du vậy.

Một quãng xa, tới cầu Mây thứ nhất. Cầu Mây này bắc qua sông Mường-hòa, dài hơn 50 thước tây Cầu đan bằng song và gỗ, trên có giây treo. Thực là tinh xảo, khôn khéo và tiện lợi; người qua lại như đi trên đất vậy. Hỏi ra mới biết cầu này của tất cả dân vùng ấy làm đã lâu năm. Nhờ có cầu này mà cảnh thổ Mường-hòa có phần thêm vui, Đứng trên cầu ngắm cảnh:

Dưới sông cá nhảy theo giòng nước;
Trên núi chim kêu tếch dặm mây.

Vó kỳ giong cương, độ hơn một cây số nữa đến nhà thờ Mường-hòa. Chúng tôi xuống ngựa, thẳng đường dốc, tới thăm cầu Mây thứ hai. Cầu này có vẻ chắc chắn và rộng rãi hơn cầu thứ nhất. Hai đầu có hai cây cổ thụ rườm ra xanh tốt, trên cành cũng buộc giây song treo cầu. Lại có thang bắc lên cầu cho khách bộ hành qua lại. Mấy năm trước tôi có thơ rằng:

Trên cây lơ lửng mấy đường giây.
Tục gọi cầu Mây, chắc hẳn đây?
Mấy dịp gỗ ngang xen mắt cáo;
Đôi hàng song thẳng néo cành cây.
Ven sông, cỏ mọc, mầu xanh ngắt;
Mặt nước, mây in, sắc trắng phây.
Khen chiếc cầu này ai khéo bắc:
Biết bao qua lại khách Đông, Tây!...

Tôi chèo lên cầu, vịn lan can, đi lại rủn rẩy, xem ra vững vàng, rồi đứng giữa cầu, ngắm trông phong cảnh có bề thanh thanh; chung quanh một vùng non nước bao la; thỉnh thoảng nghe tiếng vượn hót, chim kêu. Đối cảnh, sinh ra mến cảnh, tôi ngẫu hứng ngâm rằng:

Đoái trông phong cảnh hữu tình,

Giang-sơn có ý đợi minh điểm-tô...

Theo số phỏng đoán của sở Địa-dư thì quãng sông này cao hơn mặt biển chừng 1.200 thước. Ruộng nương cầy cấy giữa lưng-chừng sườn núi ; từng cao hơn nữa là đất bỏ hoang, không có cây-cối mọc, chỉ có cỏ non để nuôi súc-mục. Trên đỉnh núi có rừng rậm, có nhiều thác và nhiều đá moc treo-leo. Thác reo xuống qua các đồi núi rồi dần dần yếu sức mà hợp thành suối mà chảy ra sông Mường-hòa. Nhờ có nước suối ấy, các ruộng lúa trong vùng khỏi phải cái nạn khô-khan

Theo tục dân thượng-du Bắc-kỳ, nhà vùng này không hợp thành làng, thỉnh thoảng lơ-thơ vài cái ở dưới chân núi. Nếu tính số kiến ốc thì vùng đó được độ ba mươi nóc nhà. Dân ở đây phần nhiều là người Mèo và lẫn một ít Mán, Thổ, có kỳ-mục, sèo-phái, binh-dầu : giáp-trưởng trông nom dưới quyền phó-lý, lý trưởng và Bang-tá.

Laokay giáp Trung-hoa, có nhiều thứ thổ-dân : nào Thổ, nào Nhăng, nào Nùng, nào Sá, nào Tu-gí, nào Phá-gí, nào Phù-la, nào Qúy-châu, nào Lự, nào Lào, nào Mèo, nào Mán, vân vân... Mà nhất là người Mán lại chia làm nhiều thứ : Mán Thao (trắng đầu) và Mán Lam-điền (đỏ-đầu) chiếm phần đông hơn cả các thứ Mán khác, mà ở lan cả sang địa-phận Vân nam, Còn phong-tục và cách ăn ở của người Mán đây, viết ra sợ dài quá, sau này có dịp sẽ xin tục đăng, để độc-giả đồng-lãm. Người Mèo Mường-hoà cũng mới di-dân đến đây mà toạ-hưởng các ruộng-nương cuả thổ-dân khác đã khai-khẩn hồi xưa. Hỏi ra lại biết rằng : trước kia vùng này đông dân-cư hơn nhiều và có chợ rất đông-đảo ở tả - ngạn sông Mường - hoà ngay đầu cầu Mây thứ hai, thuộc địa phận xã Hướng-vinh.

Mà trước kia, người Tầu di-cư sang đó lập thành thôn-ấp, khai-khẩn ruộng nương và buôn bán, rồi sau dời đi nơi khác ; cho nên phong tục cùng ngôn-ngữ cử chỉ và giao thiệp của dân vùng ay hơi giống người Trung-hoa,

Xem như thế, đủ rõ dân vùng này cũng đã được ảnh hưởng văn-minh của Tàu nhiều lắm. Có văn-hóa, có võ-công, có lễ-nghi, có trật-tự, biết sinh-nhai một cách êm-đềm, biết chế tạo những khí mãnh và các thức ăn mặc, thích thú đoàn viên, không ham danh lợi, ngày tháng chỉ bạn cùng non nước. Thực là một dân tộc tự ta cho là trong cảnh Đào nguyên vậy.

Mải vui ngắm cảnh, bâng khuâng như tỉnh, như say một mình. Phút chốc mặt trời đâu đã đỉnh đầu nhờ nơi kỳ ngộ, khôn nỡ dời chân. Anh em giục giã lên yên, « lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng »...

Về tới nhà, gần trưa. Nghỉ ngơi, tắm rửa, vừa kịp cơm trưa.

Trong bữa cơm này, có vị nấm tươi rất thơm ngon. Nấm Chapa là một thực phẩm rất quý, trừ miền trên này được dùng ngay sau khi lấy ở rừng về, nên được tươi tốt; còn muốn đem đi xa, phải phơi thật khô. Vì vậy, ở trung châu ta, ít khi được dùng nấm tươi Chapa.

Ông Bang tá có cho chúng tôi biết đã thí nghiệm được cách ướp nấm tươi, đóng chai, gắn si để hàng năm vẫn còn nguyên chất, đem đi xa đến đâu cũng không hỏng.

Khi sắp ra về, ông Bang tá có nhã ý tặng tôi mấy chai nấm đem về trung châu làm quà. (Sau đó một năm, tôi giở ra ăn, vẫn còn hương vị).

Ăn xong một lúc thì tan chợ Chapa ; dân thổ trước lũ lượt rả về. Có mấy người vào mời bà Bang-tá mua vải Mèo. Nhân thế mà tôi biết được một thứ vải gai của họ tự chế ra bằng gai lấy ở rừng. Vải này đã trắng rất bóng và mị mặt, nhiều người mua may quần áo thay vải tussor. Bà Bang cho biết : cứ đến vụ, nhiều bạn ở xa viết thư về nhờ mua nên giống Mèo quen khách hàng, cứ đến phiên chợ lại thi nhau đem vải đến tận nhà mời mua.

Xem thứ vải gai này mới biết người Mèo cũng có óc tinh anh, có thể dùng các thứ của Hóa-công đã dành riêng cho họ ở miền rừng núi. Mỗi khi cần đến một thứ gì, họ lại nghĩ ra các phương pháp mà ta cho là xảo-diệu.

Chiều đến, mưa phùn. Đường đi phần nhiều là dốc. Chân đi giầy tây xuống dốc thường hay bị trượt. Tuy mưa, chúng tôi cũng không bỏ phí thì giờ mà không dạo phố ; vì ở Chapa mưa luôn, ít khi được ngày tạnh ráo. Trước khi ở nhà ra đi, chúng tôi đã thửa mấy cái can bằng song (do người Mèo lấy ở rừng đem về uốn cong), để chống đỡ những khi xuống đường dốc. Những can này, sau đem về trung-châu, các bạn tranh nhau chiếm phần.

Gần Chapa, có một khu rừng, cây cối lơ thơ, Chính phủ có đắp đường cái rộng rãi để khách du lịch tiện lối đi lại. Hai bên đường có suối chảy róc rách. Đi trong rừng này, tưởng tượng như Lưu-Thần, Nguyên Triệu lạc lối Đào nguyên. Cảnh tri tịch mịch, thông reo, nước chảy, « cỏ cây chen đá, lá chen hoa », tưởng như rừng Boulogne bên Pháp cũng đến thế này mà thôi.

Ra khỏi rừng, đã thấy những khu vực giồng đào quả xanh trĩu trịt. Đào Chapa đối với dân trung-châu mình là một sản vật rất được ưa chuộng.

Về qua một giòng suối, trên bờ cải soong moc xanh rì. Cải soong trộn dầu giấm ăn với thịt bò rất ngon, thường dùng trong các bữa ăn của người Âu. Ít lâu nay, người mình cũng rất ưa chuộng thứ rau ấy.

Cải soong mọc ở bờ suối, có nước chảy, đã xanh tốt, lại sạch sẽ. Tôi muốn, khi về trung châu, có chút quà tặng bà con, nghĩ không gì hơn một ít rau vì chẳng kém gì rau sắng chùa Hương.

Tới nhà, tôi ngỏ ý ấy với ông Bang-tá Lúc ra về, đã có một lồng to rau cải soong đủ đem về chia cho các bạn.

Ngày hôm ấy, vì đi lại nhiều, ai nấy đều có vẻ mỏi mệt, nên ngủ một giấc thực ngon.

Sáng hôm sau, cáo từ ông Bang-tá ra về.

Anh em xa nhau hơn tám năm

trường mới có ngày nay tái-ngộ, đã vội chia tay, khỏi sao có vẻ bâng khuâng lưu-luyến!

Ngồi trên ô-tô nhìn lại, đường đã xa mà bạn còn ngơ-ngẩn trông theo. Hai bên cùng trông, trông càng xa. Con đường xa tít, non xanh mà mịt, cùng nghĩ đến thân-thế mình trên con đường sự-nghiệp còn xa...

Đường về đều xuống dốc, nên thì-giờ được nhanh chóng. Quá nửa đường trên một cành cây cổ-thụ có treo chiếc biển gỗ kẻ giòng chữ đại tự: « *Au revoir! A l'année prochaine!* » và « *Partez! Et revenez!* »

Tới Laokay, tôi nhận được nhiều thiếp và quà tiễn tặng của các bạn quen-biết.

Sáng hôm sau, lên tầu xuôi. Ra tới ga, đã thấy đông các bạn đứng chờ. Nhiều bạn quá yêu, đứng chờ cho đến lúc tầu chạy khuất mới ra về... Đã yêu nhau thực không ai kể đến gang thước quan-hà làm chi!

Trước thái-độ ấy, tôi rất lấy làm cảm động. Vậy tiện đây tỏ chút lòng biết ơn và ghi nhớ.

Ngồi trên xe, nhìn hai bên rừng núi, trông xuống giòng sông Thao tưởng nhớ đến những ai ở lại, có mấy câu lục bát ghi tình;

Đường về nhớ cảnh Lão nhai,
Nhớ non Đỗ Lĩnh nhớ người hồn xưa!
Non sông còn đó trơ trơ.
Hỏi người non nước bây giờ nhớ chăng?

Cuộc đi chơi Laokay tuy ít ngày mà nhiều hứng vị.

Đại phàm người ta ăn ở với nhau cùng trong một khu vực thời tình chỉ có giới hạn; ở nơi khác cùng nhau thời thân tình lại hơn; càng ở nơi xa, lại càng thêm tình thân ái. Chơi Laokay có hứng vị, một phần vì đó.

Hứng Vị! nên cuộc đi chơi Laokay đủ làm một thiên du ký vậy..

(Hết)

NHẬT-NHẠM

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Mai

II

16, Mai 1942, thứ bảy, 2, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thìn, 1884, Thống soái Millot ký nghị-định lập Hội đồng Chính phủ (Conseil du Gouvernement). Kỳ họp lần đầu vào ngày 4 tháng tư ta năm ấy.

17, Mai 1942, chủnhật, 3, tháng tư, n.n.

Ngày nay năm bính-tí, 1516, Định quận công Phùng Trần vâng lệnh vua Lê tương-Dực ra đánh Trần-Cao, bị tử trận.

18, Mai 1942, thứ hai, 4, tháng tư, n.n.

Ngày nay năm qui-mùi 1883, tướng Cờ đen là Lưu vĩnh Phúc hạ chiến thư thách quân Pháp lên vùng phủ Hoài đức, Hà đông, Bắc-kỳ, giao chiến.

19, Mai 1942, thứ ba, 5, tháng tư, nham-ngọ

Ngày nay, năm tân hợi, 1431, vua Lê thái Tổ nhận được ấn thư của Tàu công nhận và phong làm vua nước Nam.

20, Mai 1942, thứ tư, 6, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thìn, 1904, đường xe hỏa Việt-trì — Yên-báy bắt đầu chạy.

21, Mai 1942, thứ năm, 7, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm kỷ hợi, 1599, vua Lê thế Tôn phong Trịnh Tùng làm Thương phụ Bình an vương.

22, Mai 1942, thứ sáu 8, tháng tư, nhâm ngọ

Ngày nay năm quý dậu, 1933, vua Bảo Đại thay hẳn tòa Nội các. Đặt 5 bộ: 1· bộ Lại, 2· bộ Quốc dân giáo dục, 3· bộ Tài chính, 4· bộ Tư pháp, 5· bộ Công tác.

23, Mai 1942, thứ bảy, 9, tháng tư, nhâm ngọ

Ngày nay năm qui dậu, 1873, Đồ phổ Nghĩa (Jean Dupuis), một thương gia Pháp, mang binh đến cửa đông thành Hà-nội, bách quan ta phải thả tên khách Bành lợi Ký và những người lái thuyền bị bắt vì đã liên can đến việc chở muối, gạo, súng, đạn lên Vân-nam.

24, Mai 1942, chủ nhật, 10, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui dậu, 1933, vua Bảo Đại có chỉ dụ cho phép đúc tiền thau « 1 xu ăn 6 » để lưu hành trong xứ Bắc-kỳ.

25, Mai 1942, thứ hai, 11 tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính tí, 1516, Trần Cao chiếm được Kinh thành, lên làm vua, tự xưng là Thiên ứng

26, Mai 1942, thứ ba, 12, tháng tư, nhâm ngọ

Ngày nay, năm qui mùi, 1883, Đại-tá Henri Rivière hạ lệnh cho các đạo binh sửa soạn đến hôm sau lên phủ Hoài đức giao chiến với quân Cờ-đen.

27, Mai 1942, thứ tư, 13, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui mùi, Đại tá Henri Rivière bị tử trận trong khi giao chiến với quân Cờ đen ở Ô Cầu giấy

28, Mai 1942, thứ năm, 14, tháng tư, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thìn, 1784, quan Bảng nhỡn Lê qui Đôn mất, thọ 59 tuổi.

29, Mai 1942, thứ sáu, 15 tháng tư, nham ngọ

Ngày nay năm bính tý 1516, vua Lê chiêu Tôn ở thành Tây đô (Thanh-hóa), sai Trịnh duy Sản đốc-xuất quân Tam phủ do đường Thiên quan (Nho quan) Ứng thiên (Ứng hòa) cùng tiến ra đánh Trần-Cao.

30, Mai 1942, thứ bảy 16, tháng tư nhâm-ngọ

Ngày nay, năm đinh dậu, 1657 chúa Trịnh Tráng mất, thọ 81 tuổi. làm chúa 35 năm.

31, mai 1942, chủ-nhật, 17, tháng tư, Nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thân 1884, nước Pháp và nước Tàu ký hòa ước ở Thiên-tân, bắt nước Tàu phải rút hết cả các binh lính đóng ở trong địa hạt Bắc-kỳ và phải công nhận những điều ước của nước Pháp ký với nước Nam.

(*Hết*)

LONG-ĐIỀN

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 20

CHU-THIÊN viết

PHONG-CẢNH thiên-nhiên, giữa nơi u-nhã, dễ quyến lòng khách phương xa. Hai nàng liền vòng quanh lũy cây rậm-rạp để vào chùa. Đi một lúc thấy hiện ra dưới vòm cây sầm uất cái cổng xây đã cổ, rêu phủ kín cả, trên có ba chữ « *Chân lam tự* », nét mực đã nhòa. Hai nàng liền sầm-sầm bước vào. Chùa rất vắng vẻ, im lặng như tờ, một thứ im-lặng thiêng-liêng như cách biệt hẳn với bên ngoài gió bụi. Hai nàng vào mãi đến nhà tổ, mới thấy một vãi già chạy ra chào :

— A-di-đà Phật, lạy Phật, lạy Tổ, kính bạch tỉ-khưu ni !

Hai nàng cũng đon-đả chào lại :

— A-di-đà Phật ! Chào vãi ạ. Sư cụ có nhà không ?

— A di-đà Phật ! Lạy Phật, lạy Tổ, lão tăng chúng tôi mới tịch được một tháng nay ! Xin rước hai vị tỉ-khưu-ni vào vãng cảnh ạ !

Hai nàng liền theo vãi già vào nhà tổ, rồi ra ao sau chùa rửa chân tay. Lúc giở về, thì giời vừa tối, Liên-Tường quen lề thói nhà chùa, liền dắt Lệ-Kim lên chùa thắp hương trên bệ Phật, rồi ra đánh ba hồi chuông « *mộ thỉnh* », cứ mỗi một tiếng chuông, nàng lại đọc một thôi kinh rất ngân-nga, như cùng hòa theo với tiếng ngân của chuông đồng mà bay lan lên đến tận đức Phật nhiệm-mầu. Thỉnh chuông xong, hai nàng xuống nhà tổ, thì vãi già đã rót nước ra đợi. Thấy hai nàng, vãi liền thưa :

— Bạch tỉ-khưu-ni, chả hay các người đã trụ-trì chùa nào chưa. Nếu chưa, xin các người lưu lại ngay chùa này thờ Phật cho vãi tôi được hầu hạ thì hay lắm. Để vãi tôi xin chuyền báo các già trong làng.

Hai nàng đi lắm đã mỏi chân, và thấy cảnh chùa đẹp đẽ và tĩnh-mịch, muốn lưu lại ít lâu để xét rõ tình-hình trong vùng, liền vui-vẻ nhận lời ngay. Đêm hôm ấy hai nàng nói chuyện rất khuya với vãi già, hỏi thăm về vị lão tăng vừa quá-cố, về tình tình phong-tục của dân làng. Sang hôm sau, vãi già dậy sớm sửa-sang giau nước cho hai vị sư-cô xong đâu đấy, rồi đon-đả chống gậy ra đi. Vừa bước chân ra ngoài đầu hè, lão liền quay lại nói với hai nàng một cách thân-mật :

— Bạch hai tỉ-khưu-ni, con xin phép người vào trong làng nói với các già xem họ nghĩ thế nào, con sẽ về bạch lại với người. Xin người cư ở lại chờ con.

Liên-Tường tươi cười nói :

— Được, vãi cứ đi, nếu việc không xong, chiều chung tôi đi cũng chưa muộn !

Rồi vãi già cầm gậy đon-đả chạy ra cổng, đi vào làng.

Sau một lúc lâu, mặt giời đã lên cao, mụ vãi chưa về, mấy già trong làng được tin đã kéo nhau ra chùa đon chào hai vị sư-nữ :

— Nam-mô a di đà Phật ! Bạch tỉ-khưu ạ !

— Nam-mô a di đà Phật ! Bạch các tăng ạ !

— Nam-mô a di đà Phật ! Chào các tín-lão ạ !

Tiếng chào hỏi nhao-nhao vang cả chùa lên. Rồi từ đấy lục-tục cứ kéo đến mãi những già là già. Đến lúc vãi già về, thì trong chùa đã đông những tín-lão. Vãi sun-soe ra vào hầu-hạ giầu nước các già hết lượt, rồi ngồi xuống một cái phản bên nói với mọi người, gợi đến đầu câu chuyện chính :

— A di đà Phật ! vãi tôi xin đỡ lời hai vị tỉ-khưu-ni để thưa với các già rằng : Nhân mến cảnh thờ chùa ta, lại thấy hiện chưa có ai đèn nhang thờ Phật, nên hai vị muốn lưu lại ở đây. Vậy các già nghĩ thế nào ?

Liên-Tường tiểu thư liền cướp lấy nhời nói tiếp :

— A di đà Phật ! Đến đây mến cảnh, mến chùa, hai anh em bần-tăng muốn ở luôn đây thắp hương thờ Phật, nên có lời nói trước với các tín lão xem có nên chăng, anh em bần tăng sẽ trình hương chức sau.

Một tín-lão thông-thạo nhất, là mẹ ông Cai tổng trong làng, nhả bã giau ra, nói ;

— A di đà Phật ! Bạch hai sư bác, chùa chúng tôi đây ít hoa lợi, nhưng bề trên đã mến cảnh định lưu lại hầu hạ Phật, cho chị em chung tôi có người mà trông cậy, để sớm tối chạy đi chạy về, thì còn vui nào bằng. Dẫu rằng đất của vua, chùa của làng, nhưng quyền ở chị em chung tôi cả. Chung tôi tin yêu ở bề trên, thì nói với các thày làm việc trong làng thế nào cũng xong.

Thế là tất cả các già nhao đi nhao lại cũng một ý kiến ấy, rồi đều thỏa-thuận nhận hai vị sư nữ ở lại, cho vui chùa. Ngày chiều hôm ấy, mấy bà tai mắt trong làng

cùng nhau đến chùa rước hai nhà sư đi vào làng chào những hương chức. Đến ngày hôm sau, nhân tuần rằm, hai nàng làm lễ nhận chùa luôn. Suốt một buổi chiều hôm ấy trong chùa rất dộn dịp, kẻ ra người vào tấp nập, khắp cả làng đều muốn đến xem mặt hai vị sư bác và để chứng kiến cuộc lễ Phật đầu tiên của sư mới. Nhá nhem tối, sau khi các kỳ dịch trong làng đã ăn uống no say, và những lễ vật đã sửa-soạn xong rồi, cuộc đại lễ bắt đầu. Hai nàng ngồi ở chiếu giữa. Còn tất cả các già và các trẻ nữa, ngồi thứ tự thành từng hàng ở đằng sau. Hai gian bên, các kỳ dịch trong làng ngồi xem cuộc lễ. Chuông trống nổi dậy, Liên Tường tay cầm dùi luôn luôn gõ vào cái mõ sơn to tướng để xế trước mặt, mồm lưu loát đọc kinh cung Phật, dưới hàng trăm con mắt tò mò nhìn lại. Liên Tường tụng những bài kinh khó, còn để những bài dễ cho Lệ Kim. Lệ Kim vốn biết chữ và mấy hôm đi với Liên Tường đã học được hết những kinh cung, kinh thỉnh, nên tụng niệm một cách tự nhiên rõ ràng như người đã ở lâu năm trong cửa Từ bi vậy. Cho nên đến khi lễ tất, không còn ai dám chỉ trích gì cả. Nhiều người còn thì thầm nói với nhau;

— Nhà sư cũng kỳ quá nhỉ.

— Chuyện, chan tu đây, người ta lầu cả các kinh như vậy kia mà!

V

Khắp cả làng, ai nấy đều có thiện-cảm ngay với hai nàng. Và hơn ai hết, một người danh vọng trong làng lại đặc biệt chú ý đến. Người ấy không ai khác là viên Cai-tổng quyền thế nhất một vùng ấy. Hắn thấy hai nàng nhan sắc tuyệt vời lại đang độ xuân tươi mơn mởn nên đem lòng thầm yêu vụng thích, bèn sinh tà tâm, chực đem quyền thế mà áp bức hai nàng. Một hôm, Liên Tường đi tham ruộng về chùa gặp hắn lững thững trên đường gần chùa, vội lễ phép hỏi;

— Nam mô a di đà phật. Lạy chào thày Cai ạ!

Hắn vui vẻ đáp:

— Không dám. Nhà chùa đi đâu về đấy?

Rồi hắn lả lơi nói tiếp:

— Nhà chùa trông trẻ nhỉ? Mới độ bao nhiêu tuổi thế? Như thế mà muối rưa cửa Phật cho hoài tấm thân ngà-ngọc kia đi!

Liên Tường tức uất người lên, nhưng cố nén cơn giận, rảo bước và nói vội:

— Ấy chết, thưa thày Cai biết cho rằng nhà chùa là kẻ tu-hành, không biết đến chuyện giăng hoa!...

Hắn ta không nản cũng rảo bước theo và nói:

— Nhà chùa nói thế, chứ giời sinh ra ai chả trong vòng tình ái, dẫu là cây cỏ cũng vòng phu-thê. Huống chi là người, nhất là cái người ấy lại đẹp nhất trần-gian.

Liên-Tường không nói nữa, cứ lẳng-lặng cắm đầu đi rất nhanh về chùa. Lão Cai-tổng cũng mải miết theo kịp. Vào đến chùa, Liên-Tường đi vào nhà Tổ, để Lệ-Kim ra chào:

— Nam mô a di đà Phật, chào thày Cai ra vãng cảnh ạ!

— A di đà Phật, kính chào nhà chùa. Nhà chùa chưa lên hương thỉnh mộ à?

— Dạ! thưa thày chưa tối.

Hắn ta cười nói.

— Thế thì nhà chùa lên hương sớm đi một chút cho tôi được vào lễ Phật.

— Thưa thày, vâng. Vãi mau lấy giầu nước mời thày Cai, để bàn tang lên chùa thỉnh mộ.

Nói vậy Lệ-Kim liền vào nhà gọi Liên-Tường. Hai nàng nói thầm với nhau rồi cùng lên chùa. Lệ-Kim đi thắp hương trên bàn thờ Phật, còn Liên-tường đứng dé chân chèo trên một cái giá gỗ cầm vồ nện vào những vũ chuông phát ra những tiếng boong - boong ngân vộng. Đồng thời nàng cao tiếng tụng bài kinh nhỏ thinh, tiếng trong mát nhẹ nhàng như quyến dũ con người phàm tục đang mê-mệt nhan sắc nhà chùa. Lệ-Kim thắp hết các bát hương từ bàn thờ Phật đến bàn thờ ông Thiện ông Ác ở hai bên, giở ra thì thấy lão Cai-tổng đang chăm-chú nhìn mình và Liên-Tường, nàng ngượng-ngùng bảo hắn:

— Rước thày vào lễ Phật.

Hắn tươi cười nói:

— Vâng tôi xin vào lễ để cầu duyên. Nhà chùa tính có được không?

Liên-Tường cũng vừa thỉnh song chuông. Hai người đều lặng im không nói sao. Ở ngoài giời bắt đầu đỏ tối. Trong chùa những ngọn đèn dầu trên đĩa đã thắng thế chiếu in những bóng tượng phật lên tường lố-nhố. Viên Cai-tổng lễ xong, đứng gần lại chỗ hai nàng và nói:

— Tôi cũng muốn đi tu như nhà chùa!

Hai nàng đều lùi, và không nói gì cả. Thấy vậy, hắn tưởng đã được lòng, liền nói sỗ:

— Và cùng tu ngay hôm nay.

Liên-Tường cố nén nỗi tức ôn-tồn nói:

— Thày Cai không được nói càn vậy. Ở đây cửa Phật trang nghiêm quảng-đại, không phải là nơi để thày giở trò tục-tữu đê-tiện!

Hắn ta liền cười ha-hả nói:

— Thế nào là tục-tữu đê-tiện? Đến đức Phật-tổ ngày trước cũng không khỏi vòng tục-tữu ấy nữa là... Ngài cũng có vợ, có con, rồi mới sả thân đi tu. Vậy ngày nay chúng ta nhân tuổi xuân phơi phới và ngày xuân êm-đẹp như thế này, chúng ta cũng nên bắt chước đức Phật mà tận hưởng cái thú của nhân-sinh đã, rồi ta sẽ tu lên Niết-bàn chưa muộn!

Sự sỗ-sàng đã lên đến tột-bực Lệ-Kim không chịu được nữa, liền chỉ tay vào mặt Cai-tổng và nói rít lên rằng:

— Bần-tăng truyền cho thầy phải bước ra khỏi ngay chốn này, nếu còn bây cưa nữa, thì vỡ chuông này sẽ đưa thày xuống âm-phủ mà nói ma-mãnh với Diêm-vương! Bần-tăng không muốn nhiều nhời!

CHU-THIÊN

còn nữa

Dưới mắt tôi

BỮA «TIỆC» DƯỚI GỐC ME!

Dưới vòm trời mờ xám, xa xa có tiếng sấm như đuổi xuân đi, tôi, lững thững đang lê gót « săng đan » trên đường cái nhựa, bỗng phải chú ý đến bức tranh hoạt họa bày bên dìa đường.

Dưới gốc cây me cổ thụ, cành lá bà-xòa, hai trẻ đang lúi húi tìm kiếm vật gì ở trên ụ đất trải cỏ xơ xác.

Tò mò tôi đến gần. Thì ra một cậu, độ 12 tuổi, đang bới cỏ nhặt quả me. Còn cậu độ 14 tuổi, thấy tôi đến, tảng lờ rút súng cao su ở túi ra, vờ vẫn bắn xuống giàn mướp mới kéo ngọn ở đợt ruộng thấp.

— Thế nào, có nhặt được nhiều me không? Me này mà chấm muối ăn thì ngon ra phết!

Thấy hỏi niềm nở, biết tôi không đem đến cùng họ một ý ác gì, cậu 14 tuổi đã dịu dần cặp mắt « ngờ vực » vẫn xét lét tôi từ lúc mới gặp.

Ngước lên trên cành cao, tôi thấy một cậu, áo nâu, quần cháo lòng, đang nhí nhảnh trong bụi lá kín đáo, không đánh tiếng.

Một bầu không khí « thân thiện » dần dần kéo đến bao phủ chúng tôi.

Cậu 12 tuổi, vừa nhặt me vừa nhấm nháp ăn :

Tôi day lại hỏi Sang, cậu cầm súng cao su.

— Sao không ăn me?

Sang đủng đỉnh :

— Có quả nào chín, tôi «mấy» ăn.

Chừng đã nặng túi, Năm cũng trạc 14 tuổi, từ trên cây me « vừa người ôm » lần xuống. Còn độ 40 phân nữa mới tới mặt cỏ, Năm xoạc hai chân ra, bảo Tý :

— Tý, cho tao «nhờ» cái vai mày một tí nào!

Tý, không từ chối, cũng không đặm đà, ghé ngay hai vai vào bên gốc me.

Hai tay đu cành me, hai chân đứng trên vai Tý, Năm nhanh nhẹn nhảy tót xuống.

Móc hai túi, Năm bỏ ra hàng 4, 5 chục quả me, bì xanh, tuyết vàng, xen lẫn vài ba quả ớt đỏ chót!

Góp vào đống me và ớt mà Năm vừa đề trên mặt đất rạc cỏ bên gốc cây, Tý cũng móc túi bỏ ra mươi quả me và hai ba quả ớt.

Xúm vào dự « tiệc », các cậu, trước hết, hai tay cầm hai đầu quả ớt bẻ ra làm đôi, rồi tay quả me đã cắn bỏ đầu mẩu, tay nửa ớt, ngon lành ngoạm miếng me mà họ đã thạo tay phiết ớt vào me như cha chú ở nhà vẫn « giẻo quẹo » quệt miếng đậu phụ vào đĩa mắm tôm.

Ăn hết một miếng rồi, các cậu lại phiết ớt vào miếng me khác, nhai rau ráu.

— Này, tôi tủm tỉm hỏi, thế anh nào phải trèo cây lấy me thì được nhiều, còn anh nào ở dưới thì được ít, phải không?

Nhẩm nhẩn Sang đáp :

— Chúng tôi chẩy rồi ăn chung, còn thì chúng tôi bán.

— Thế các cậu trèo me, ngộ Lục-lộ người ta bắt được thì sao?

— Chúng tôi chỉ chẩy me thôi, chứ có bẻ củi đâu mà sợ. Để mẻ chín thì nó cũng rụng mất chứ được bộ gì!

— Nhưng khi trèo cây, người ta tưởng mình bẻ củi thì sao?

Với giọng dường như « lý sự » Sang cãi :

— Trèo cây bẻ củi, thì dưới gốc phải có củi chứ? Đây chúng tôi chỉ có một mẩu đòn gánh gãy (Sang vừa nói vừa giơ mẩu đòn đòn gánh lên).

— Ăn thế này có tháo-tổng bao giờ không?

— Chả việc gì! Tháo tổng, là *phải khi* thôi.

— Có ăn no được không?

— Muốm thì chúng tôi ăn no được. Chứ me *mấy* sấu thì ăn vào chỉ bộ đói thêm, chứ no gì! Đang ăn, Sang bỗng trước ném mẩu ớt, sau lại liệng luôn quả me vào anh chàng đang lễ mễ gánh qua đường một gánh vôi nặng nề.

Chừng ăn đã chán, Năm di ớt bôi vào mồm Tí rồi cười hà hốc...

Sang cũng di ớt bôi vào mồm Năm. Năm cáu:

— Mẹ mày!

Sang lại chỉ vào Năm mà « giới-thiệu »:

— Thằng này tên là Đọi-Nhịu (Nhịu Đói). Năm lại càng cáu :

— . . . . . .

Rồi Năm và Sang bôi lẫn ớt vào mặt nhau.

Chưa đủ hả giận, hai cậu lại « quần thảo » nhau ở trên đường cái nhựa như các « bô » thường đấu khẩu và xô-xát nhau trong một bữa rượu việc làng say-sưa...

SONG CỐI

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyển

VẬN VĂN BÁCH TUYỂN

của ông Dương-Tụ-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ trẻ, từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0p10

Quốc-Học Thư-Xã
Tuần sau sẽ phát hành

THI-THOAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học và văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00
Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh - Như - Tấu !

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán
193 Phố Hàng Bồng—Hanoi

Số chuyên-san về triều Gia-Long (T. T. số 50) sẽ có những bài khảo-cứu rất công-phu về phương-diện sử-ký cũng như về phương-diện văn-học.

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng mua vé số
Đông - Pháp
biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60, ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM NANG
để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tự-Quán